

MỤC LỤC

Chương 1: Tổng quan thị trường.....	4
Tổng quan thị trường	5
Thách thức thị trường	6
Cơ hội thị trường	6
Chiến lược thâm nhập thị trường.....	6
Chương 2: Môi trường chính trị và kinh tế.....	7
Tổng quan	7
Quan hệ hợp tác quốc tế	8
Quan hệ ngoại giao với Việt Nam.....	8
Các chỉ số kinh tế.....	9
Chương 3: Bán sản phẩm và dịch vụ	11
Dùng nhà môi giới để bán sản phẩm và dịch vụ	11
Lập văn phòng	11
Nhượng quyền thương mại - Franchising.....	12
Marketing trực tiếp	12
Liên doanh/ Li-xăng	12
Bán hàng cho chính phủ	12
Kênh phân phối và bán hàng	13
Kỹ thuật và các yếu tố khác trong bán hàng.....	13
Thương mại điện tử	14
Xúc tiến thương mại và quảng cáo	14
Định giá	17
Hậu mãi/ Dịch vụ khách hàng	17
Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.....	17
Chương 4: Quan hệ thương mại Việt Nam – Chi-lê.....	19
Quan hệ thương mại song phương	19
Tận dụng Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Chi-lê.....	20

Các sản phẩm thương mại chủ yếu trong quan hệ song phương.....	21
Một số sản phẩm xuất khẩu chính của Việt Nam đến Chi-lê.....	21
Chương 5: Qui định thương mại, hải quan và tiêu chuẩn.....	25
Thuế nhập khẩu	25
Rào cản thương mại.....	25
Yêu cầu và chứng từ nhập khẩu	26
Tạm nhập.....	26
Bao bì, nhãn mác	26
Chương 6: Môi trường đầu tư.....	29
Những lĩnh vực mở cửa và hạn chế đầu tư nước ngoài.....	29
Luật/ Qui định về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	29
Xúc tiến công nghiệp.....	31
Hạn chế kiểm soát nước ngoài.....	31
Sàng lọc dự án FDI.....	32
Luật cạnh tranh.....	32
Khuyến hướng đầu tư.....	32
Cạnh tranh từ doanh nghiệp Nhà nước.....	32
Hướng dẫn của OECD về quản trị của các công ty nhà nước.....	33
Quỹ đầu tư Nhà nước.....	34
Sung công và bồi thường.....	34
Giải quyết tranh chấp.....	34
Phá sản.....	35
Tranh chấp đầu tư.....	35
Trọng tài quốc tế.....	35
Thời gian giải quyết tranh chấp.....	35
Yêu cầu hoạt động và ưu đãi đầu tư	36
Quyền sở hữu và thành lập doanh nghiệp	37
Bảo hộ quyền sở hữu	38
Tính minh bạch của hệ thống qui định	38
Thị trường vốn và danh mục đầu tư	38



Hệ thống tiền tệ và ngân hàng	39
Độ cạnh tranh.....	40

Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR)	40
Bạo động chính trị	40
Tham nhũng	41
Hiệp định thương mại song phương	42
Lao động	42
Các khu thương mại nước ngoài/ Cảng tự do/ Giao lưu thương mại	43
Đầu tư nước ngoài	43
Cơ hội đầu tư tại Chi-lê	44
Chương 7: Thương mại và tài trợ dự án	46
Phương thức thanh toán	46
Hệ thống ngân hàng	46
Kiểm soát trao đổi ngoại hối	46
Tài trợ dự án	46
Chương 8: Giao lưu kinh doanh.....	48
Văn hóa kinh doanh	48
Vận tải.....	48
Ngôn ngữ	48
Sức khỏe	48
Giờ địa phương, thời gian kinh doanh và ngày nghỉ	49
Một số liên hệ hữu ích	49



Chương 1: Tổng quan thị trường

Tổng quan thị trường

Trước khi người Tây Ban Nha xuất hiện vào thế kỷ 16, người Inca cai trị miền bắc Chile gần một thế kỷ trong khi một người dân bản địa, Mapuche, sống ở miền trung và miền nam Chile. Mặc dù Chile tuyên bố độc lập vào năm 1810, nhưng nước này đã không giành được chiến thắng quyết định trước Tây Ban Nha cho đến năm 1818. Trong Chiến tranh Thái Bình Dương (1879-83), Chile đã đánh bại Peru và Bolivia để giành chiến thắng ở các khu vực phía bắc hiện tại. Vào những năm 1880, chính quyền trung ương Chile đã giành quyền kiểm soát các khu vực miền trung và miền nam có người Mapuche sinh sống. Sau một loạt các chính phủ dân cử, chính phủ chủ nghĩa Mác ba tuổi của Salvador Allende bị lật đổ vào năm 1973 bởi một cuộc đảo chính quân sự do tướng Augusto Pinochet, người cai trị cho đến khi một tổng thống dân chủ bầu đã được khánh thành vào năm 1990. Cải cách kinh tế, duy trì liên tục kể từ những năm 1980, góp phần tăng trưởng ổn định, giảm tỷ lệ nghèo xuống hơn một nửa và giúp đảm bảo cam kết của đất nước đối với chính phủ dân chủ và đại diện. Chile ngày càng đảm nhận vai trò lãnh đạo khu vực và quốc tế, phù hợp với vị thế là một quốc gia dân chủ, ổn định.

Tên đầy đủ: Chile

Đơn vị tiền tệ: Peso Chile

Quốc khánh: Ngày 18/9

Thủ đô: Santiago

Vị trí địa lý: Nam Nam Mỹ, giáp Nam Thái Bình Dương, giữa Argentina và Peru

Tọa độ địa lý: 30 00 S, 71 00 W

Diện tích: 756.102 km², trong đó lãnh thổ rộng 743.812 km² và lãnh hải có diện tích là 12.290 km².

Địa hình: vùng núi thấp ven biển, thung lũng trung tâm màu mỡ, Andes gồ ghề ở phía đông

Đường biên giới: dài 7.801 km, có biên giới với 3 quốc gia: Argentina 6.691km, Bolivia 942km, Peru 168 km

Phân bố dân cư: 90% dân số nằm ở một phần ba giữa của đất nước xung quanh thủ đô của Santiago; phía bắc xa (neo bởi sa mạc Atacama) và cực nam tương đối thiếu dân số

Khí hậu: Khí hậu ôn hòa; sa mạc ở phía bắc; Địa Trung Hải ở miền trung; mát mẻ và ẩm ướt ở phía nam

Tài nguyên thiên nhiên: đồng, gỗ, quặng sắt, nitrat, kim loại quý, molybden, thủy điện

Sử dụng đất:

- Đất nông nghiệp: 21,1% (đất canh tác: 1,7%, cây trồng lâu năm : 0,6%, đồng cỏ: 18,8%)
- Rừng: 21,9%
- Đất khác: 57% (2011)

Thiên tai: Động đất nghiêm trọng; núi lửa đang hoạt động; sóng thần

Các vấn đề hiện tại về môi trường: ô nhiễm không khí từ khí thải công nghiệp và xe cộ; ô nhiễm nước từ nước thải thô; ô nhiễm tiếng ồn; xử lý rác thải không đúng cách; thoái hóa đất; nạn phá rừng và khai thác lan rộng đe dọa môi trường; bảo tồn động vật hoang dã

Các nhóm dân tộc: trắng và không bản địa 88,9%, Mapuche 9,1%, Aymara 0,7%, các nhóm bản địa khác 1% (bao gồm Rapa Nui, Likan Antai, Quechua, Colla, Diaguita, Kawesqar, Yagan hoặc Yamana), không xác định 0,3% (2012).

Ngôn ngữ: Tây Ban Nha 99,5% (chính thức), tiếng Anh 10,2%, 1% bản địa (bao gồm Mapudungun, Aymara, Quechua, Rapa Nui), 2,3% khác, 0,2% không xác định (2012 est.)

Tôn giáo: Công giáo La Mã 66,7%, Tin lành 16,4%, Jehovah 1%, 3,4% khác, không tôn giáo 11,5%, không xác định 1,1% (2012 est.)

Dân số: 17.925.262 (tháng 7 năm 2018 est.), xếp thứ 65 trên thế giới

Cấu trúc tuổi (theo ước tính năm 2018):

- 0-14 tuổi: 19,98% (nam 1.827.657 / nữ 1.754.253)
- 15-24 tuổi: 14,63% (nam 1.337.663 / nữ 1.285.514)
- 25-54 tuổi: 42,94% (nam 3.851.775 / nữ 3.845.195)
- 55-64 tuổi: 11,32% (nam 957.872 / nữ 1.070.975)
- 65 tuổi trở lên: 11,13% (nam 836.489 / nữ 1.157.869) (ước tính năm 2018)

Tỉ lệ phụ thuộc (theo ước tính năm 2015):

Tỷ lệ phụ thuộc hoàn toàn: 45,5%

Tỷ lệ phụ thuộc trẻ: 30,3 %

Tỷ lệ phụ thuộc già: 15,2 %

Tỷ số hỗ trợ tiềm năng: 6,6 %

Tỉ lệ tuổi trung bình

- Tổng: 34,8 tuổi
- Nam: 33,6 tuổi
- Nữ: 36 tuổi (ước tính năm 2018)

Tỷ lệ tăng dân số: 0,75% (ước tính năm 2018)

Đô thị hóa:

Dân số thành thị: 87,6 % tổng dân số (ước tính năm 2019)

Tỉ lệ đô thị hóa: 0,87 % tỉ lệ thay đổi hàng năm (2015 – 2020)

Dân số ở thành thị và các đô thị lớn: SANTIAGO (thủ đô) 6,724 triệu ; Valparaiso: 975.000, Concepcion: 869.000 người

Chi-lê có chính sách thị trường thông thoáng, chính quyền dân chủ ổn định, tập quán kinh doanh vững vàng, và ít tham nhũng. Tuy tăng trưởng GDP trong 30 năm qua đạt bình quân 5% mỗi năm, kinh tế Chi-lê gần đây tăng trưởng chậm, chỉ tăng 1,9% trong năm 2014 và khoảng 2,3% trong năm 2015.

Theo Hội nghị Liên hiệp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Chi-lê trong năm 2012 đã đạt 28,5 tỉ USD, giảm còn 20,3 tỉ USD trong năm 2013.

Với sự ổn định cả về kinh tế vĩ mô và tăng cường hội nhập với các thị trường vốn quốc tế, Chi-lê được đánh giá mức tín dụng A+ , cao nhất châu Mỹ Latinh. Chi-lê ổn định, thịnh vượng, và liên tục xếp thứ hạng cao trên các chỉ số quốc tế liên quan đến tự do kinh tế, minh bạch, và cạnh tranh. Chi-lê cũng đạt hiệu quả trong quản lý của chính phủ, mức tham nhũng thấp, thông thoáng đối với ngoại thương và là quốc gia xếp hạng cao nhất tại châu Mỹ Latinh về tính cạnh tranh kinh tế, theo báo cáo Tính cạnh tranh toàn cầu (Global Competitiveness Report) 2014-2015 của Diễn đàn kinh tế thế giới WEF.

Chi-lê theo đuổi chiến lược hướng thị trường, mở rộng quan hệ thương mại toàn cầu, và chủ động tham gia các vấn đề quốc tế và mậu dịch tự do theo bán cầu. Chi-lê là một thành viên của Liên minh Thái Bình Dương (Pacific Alliance), Nhóm Rio (Rio Group), thành viên liên kết của Mercosur, thành viên APEC, và sáng lập viên của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và UNASUR. Năm 2010, Chi-lê trở thành thành viên thứ 31 của OECD, quốc gia Mỹ Latinh thứ hai tham gia sau Mexico.

Chi-lê đã đàm phán thành công Hiệp định Thương mại tự do với 62 quốc gia trên thế giới, đáng ghi nhận có châu Âu, Trung Quốc, Ấn Độ và Bắc Mỹ. Cạnh tranh khá khốc liệt, và Chi-lê đã đem đến cho 17 triệu dân của mình cơ hội chưa từng có để tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ trên toàn cầu.

Hôm 10 tháng Chín năm 2014, Quốc hội Chi-lê đã thông qua chương trình cải cách thuế chủ đạo, với định hướng thu vè thêm nguồn thu tương đương 3% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Chi-lê. Thách thức chính liên quan đến thuế thu nhập, và sẽ được gỡ khó dần trong 4 năm, khi chương trình có hiệu lực hoàn toàn, vào đầu năm 2017. Tỉ lệ biên tế thuế thu nhập cá nhân sẽ giảm từ 40% xuống còn 35%, và thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ tăng từ 20% lên 27%. Thuế với đồ uống có cồn sẽ tăng từ 15% lên



20,5% đối với bia và rượu vang, và từ 27% đến 31,5% với đồ uống chưng cất. Các mức thuế mới được áp dụng bao gồm “thuế môi trường” đối với xe cộ và thuế lãi vốn đối với thương vụ mua bán bất động sản. Các điều khoản mới về thuế sẽ hạn chế sự lẩn trốn thuế và củng cố năng lực của Dịch vụ thuế trong nước Chi-lê (Chilean Internal Tax Service), Servicio Interno de Impuestos (SII). Thuế giá trị gia tăng (VAT) 19% được áp dụng cho mọi loại hàng hóa dịch vụ, hàng nhập khẩu hay hàng trong nước, và không thay đổi sau cải cách. Thuế sử dụng mỏ để khai khoáng thuế nhiên liệu, chiếm hơn nửa số thuế của Chi-lê, cũng không đổi.

Thách thức thị trường

Thách thức lớn nhất khi xuất khẩu sang Chi-lê có lẽ là sự cạnh tranh gay gắt và qui mô thị trường nhỏ. Tuy dân số của thị trường đạt khoảng 17 triệu dân, chính sách thương mại và đầu tư thông thoáng của thị trường này đã thu hút sự quan tâm của nhiều công ty nước ngoài. Qui mô của thị trường cũng tương đối nhỏ.

Bên cạnh đó, ty có nhiều chính sách thông thoáng, nhà kinh doanh người Chi-lê thường khá bảo thủ và dè dặt hơn.

Tuy chính phủ Chi-lê cố gắng đồng bộ hóa nhiều qui trình, việc kinh doanh tại Chi-lê vẫn cần sự nhẫn nại và khả năng chịu đựng một số lần trì hoãn do các giấy tờ hành chính và thủ tục xin phép.

Để cạnh tranh hãy tìm một đối tác tại chính quốc gia này. Rất khó cho một tổ chức thành công tại Chi-lê mà chưa có sự hiện diện trực tiếp hay đối tác địa phương. Một người đại diện/ nhà phân phối tốt có thể dùng mối quan hệ kinh doanh và xã hội để mở những cánh cửa cơ hội và giúp doanh nghiệp vượt qua những rào cản qui định, văn hóa hay ngôn ngữ.

Tiếng Tây Ban Nha được sử dụng tại Chi-lê là ngôn ngữ chính thức, nên đôi khi cần phải có phiên dịch tiếng Tây Ban Nha để thực hiện đàm phán.

Thêm một vấn đề nữa. Đó là chỉ có một lượng nhỏ công ty và công ty gia đình kiểm soát phần lớn việc kinh doanh tại Chi-lê. Cạnh tranh hạn chế tại một số ngành dẫn đến nỗi e ngại về hiện tượng các công ty cấu kết với nhau.

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (IPR) cũng là một thách thức tại Chi-lê.

Cơ hội thị trường

Chi-lê nhanh chóng phục hồi sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế 2008-2009 cũng như sau trận động đất tháng Hai 2010. Thị trường nhà đất trở nên đắt đỏ và Chi-lê phải mở rộng năng lực cung ứng để đáp ứng nhu cầu. Do đó, Chi-lê đang tìm kiếm công nghệ và vốn để tăng cường cung ứng thông qua các nhà máy điện mới (điện truyền thống và năng lượng tái tạo) và cần hiệu quả năng lượng.

Chi-lê có khả năng dung hòa đầu tư tư nhân với các dự án công và cơ sở hạ tầng, thông qua các biện pháp miễn giảm, và có lẽ sẽ tiếp tục dùng chiến lược này. Chi-lê đã tối ưu hóa nhiều dịch vụ cơ bản và dịch vụ cơ sở hạ tầng, như cảng, đường cao tốc, vận tải, và cung ứng nước. Chi-lê thu hút được nhiều đầu tư tư nhân trong các lĩnh vực giáo dục, quỹ hưu trí, y tế, và nhà giam.

Chiến lược thâm nhập thị trường

Thiết lập công ty con/chi nhánh địa phương hay văn phòng chi nhánh tại Chi-lê là một giải pháp hay. Bất kì một công ty nào đã được thành lập hợp pháp tại nước ngoài đều có thể thành lập một chi nhánh ủy quyền (agencia) tại Chi-lê.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng có thể chỉ định người đại diện, một người/công ty có nhiều kinh nghiệm và sẵn có danh sách người mua hàng với tri thức kỹ thuật tốt.

Chương 2: Môi trường chính trị và kinh tế

Tổng quan

Trước khi người Tây Ban Nha đến vào thế kỉ 16, phía bắc Chi-lê là lãnh địa của người Inca trong khi người Mapuche thống trị vùng miền trung và phía nam Chi-lê. Tuy Chi-lê tuyên bố độc lập từ năm 1810, chiến thắng quyết định trước Tây Ban Nha phải chờ đến tận năm 1818. Trong chiến tranh Thái Bình Dương (1879-83), Chi-lê thắng Peru và Bolivia và có phần lãnh thổ phía Bắc như hiện giờ. Đến 1880 người Mapuche cũng được kiểm soát bởi chính quyền trung ương. Sau nhiều lần bầu cử, chính phủ Marxist của Salvador ALLENDE bị lật đổ vào năm 1973 bởi chính phủ quân đội của Tướng Augusto PINOCHET. Dù cho không phải chịu những cuộc đảo chính và các chính phủ chuyên quyền như các nước Nam Mỹ khác nhưng Chi-lê phải trải qua giai đoạn 17 năm độc tài quân sự (1973–1990) trong đó đã làm hơn 3000 người chết và mất tích.

Chi-lê theo thể chế Cộng hoà; Tổng thống là Nguyên thủ quốc gia và đứng đầu Chính phủ, được bầu trực tiếp với nhiệm kỳ 4 năm.

Quốc hội bao gồm hai Viện: Thượng viện có 38 Thượng nghị sĩ, nhiệm kỳ 8 năm; Hạ viện có 120 Hạ nghị sĩ, nhiệm kỳ 4 năm, bầu trực tiếp.

Các đảng chính: Liên minh Thống nhất cầm quyền gồm Đảng Xã hội, Liên minh Dân chủ Thiên chúa giáo, Đảng vì Dân chủ và Đảng Cấp tiến; Liên minh vì Thay đổi gồm Đảng Đổi mới quốc gia, Chi-lê trước hết và Liên minh Dân chủ độc lập...

Chính sách kinh tế hợp lí đã được duy trì đến tận 1980, đóng góp vào tốc độ tăng trưởng nhanh và mạnh mẽ, tỉ lệ đói nghèo giảm phân nửa, và giúp củng cố cho chính phủ dân chủ và đại diện. Chi-lê gần đây đảm nhiệm vai trò gần như dẫn đầu trong khu vực, với vị thế của một quốc gia ổn định, dân chủ.

Chi-lê có nền kinh tế hướng thị trường với trình độ ngoại thương cao cũng như có danh tiếng về thể chế tài chính mạnh và chính sách hợp lí. Điều này đã khiến cho trái phiếu Chi-lê được xếp hạng cao và được tín nhiệm ở Nam Mỹ.

Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ chiếm gần 1/3 GDP, với hàng hóa chiếm 3/4 xuất khẩu. Chi riêng khoản thu từ đồng đã đóng góp 19% doanh thu chính phủ. Từ 2003 đến 2013, tốc độ tăng trưởng thực tế đạt bình quân 5% mỗi năm, bất kể có sự suy giảm trong năm 2009 do khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Chi-lê ngày nay đang tăng cường củng cố tự do hóa thương mại toàn cầu bằng việc tham gia đàm phán và kí kết nhiều hiệp định thương mại quốc tế, như hiệp định thương mại tự do với Hoa Kỳ, cùng 22 hiệp định thương mại với 60 quốc gia như hiệp định với EU, Mercosur, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, và Mexico. Chi-lê cũng đã tham gia cùng với Hoa Kỳ và 9 quốc gia khác trong việc đàm phán hiệp định đối tác chiến lược Thái Bình Dương TPP.

Chính phủ Chi-lê nhìn chung có chính sách tài khóa ngược chiều, tích lũy thặng dư tại các quỹ thịnh vượng nhà nước (quỹ thịnh vượng nhà nước (SWF) là một dạng quỹ đầu tư nhà nước đầu tư vào các tài sản bất động sản và tài chính hoặc kim loại quý, hoặc vào các công cụ đầu tư như quỹ tư nhân hay quỹ hedge) trong giai đoạn giá đồng và

tăng trưởng kinh tế cao, và thường cho phép chi bù đắp thâm hụt trong những giai đoạn giá đồng hoặc tăng trưởng kinh tế xuống thấp. Tính đến cuối 2012, các quỹ này đã tích lũy đến hơn 20,9 tỉ USD. Chi-lê dùng các quỹ này để hỗ trợ cho các gói kích thích tài chính trong giai đoạn suy thoái 2009. Vào tháng Năm 2010 Chi-lê kí Hiệp định OECD, trở thành quốc gia Nam Mỹ đầu tiên tham gia OECD.

Chi-lê là một thành viên năng động của hợp tác quốc tế. Chi-lê đã tham gia nhiều tổ chức quốc tế như Liên Hiệp Quốc, tổ chức Các quốc gia Châu Mỹ, Cộng đồng các nước Dân chủ, Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương, Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế OECD, Quỹ tiền tệ quốc tế IMF, Ngân hàng Thế giới WB, và tổ chức Thương mại thế giới. Chi-lê cũng là thành viên của Liên minh Thái Bình Dương, Liên hiệp các quốc gia Nam Mỹ (UNASUR), và Cộng đồng các Nhà nước Mỹ Latinh và Caribê (CELAC).

Sự tham gia của Chi-lê và Pêru vào TPP giúp hai quốc gia này tiếp cận tốt hơn với khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Từ 1994, Chi-lê ngày càng năng động hơn trong khu vực thông qua việc tham gia vào APEC (Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương), và thông qua kí kết hiệp định thương mại song phương trước thềm TPP với Úc, Brunei, Trung Quốc, Hàn Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, Malaysia, New Zealand, Singapore, Việt Nam, và Thái Lan.

Quan hệ hợp tác quốc tế

Chi-lê là một thành viên của Liên minh Thái Bình Dương (Pacific Alliance), Nhóm Rio (Rio Group), thành viên liên kết của Mercosur, thành viên APEC, và sáng lập viên của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và UNASUR. Năm 2010, Chi-lê trở thành thành viên thứ 31 của OECD. Chi-lê đã đàm phán thành công Hiệp định Thương mại tự do với 62 quốc gia trên thế giới. Năm 2016 Chi-lê sẽ đảm nhận vai trò Chủ tịch luân phiên của Liên minh Thái Bình Dương, trong đó có sự tham gia của México, Colombia và Peru. Đã nhiều lần Chi-lê bày tỏ và cam kết sẽ nỗ lực hết sức mình để tăng cường quan hệ giữa Liên minh và ASEAN, cũng như góp phần phát triển quan hệ của các nước Mỹ La tinh láng giềng với các nước của khu vực châu Á Thái Bình Dương, phát huy tốt các tiềm năng của một quốc gia - hải cảng.

Hiện nay, các nước MERCOSUR – Khối Thị trường chung Nam Mỹ (Achéntina, Braxin, Paraguay và Uruaguay) – đang triển khai nhiều dự án kết nối, đặc biệt là dự án hành lang đường bộ nối liền giữa hai bờ Đại Tây Dương và Thái Bình Dương, kết nối mạng giao thông đường bộ thông suốt với Chi Lê. Công trình hạ tầng này sẽ giúp giảm 12.000 km chiều dài vận chuyển hàng hoá từ Braxin đến các nước châu Á và giảm 4.000 km cho vận chuyển hàng xuất khẩu từ các nước trong khu vực Mercosur sang châu Âu.

Tuyến hành lang kinh tế này hoàn thành sẽ phát huy vị trí đặc địa của Khu thương mại tự do Iquique của Chi Lê. Đây là khu thương mại tự do có cảng biển quan trọng, thiết lập được quan hệ kinh tế, thương mại với các quốc gia láng giềng của Chi Lê là: Achentina, Bôlivia và Pêru.

Quan hệ ngoại giao với Việt Nam

Việt Nam và Chi-lê thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 25/3/1971 (là nước thứ 2 tại khu vực Mỹ Latinh thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam, sau Cu-ba), mở Đại sứ quán tại Thủ đô của nhau năm 1972, nhưng quan hệ bị gián đoạn sau cuộc đảo chính quân sự do Tướng Pi-nô-chê cầm đầu lật đổ chế độ dân chủ và sát hại Tổng thống hợp hiến Xan-va-đô A-giê-n-đê (9/1973).

Sau khi nền dân chủ được tái lập (1989), Chính phủ Chi-lê chủ động đề nghị Việt Nam khôi phục quan hệ ngoại giao cấp Đại sứ (9/1990). Ngày 18/7/2001, Việt Nam chấp thuận Lãnh sự Danh dự Chi-lê tại Hà Nội (sau chuyển thành Lãnh sự Danh dự tại TP Hồ Chí Minh). Ta mở lại Đại sứ quán và cử Đại sứ thường trú tại Thủ đô Xan-ti-a-gô (10/2003); Chi-lê mở lại Đại sứ quán và cử Đại sứ thường trú tại Hà Nội (11/2004).

Những năm gần đây, quan hệ hai nước phát triển mạnh cả về chiều rộng và chiều sâu. Hai bên thường xuyên trao đổi các đoàn cấp cao. Về phía ta, TTCP Phan Văn Khải (10/2002), CTN Trần Đức Lương (11/2004), TBT Nông Đức Mạnh (5/2007), Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết (9/2009), PCTN Nguyễn Thị Doan (5/2009) và nhiều đoàn cấp Bộ, ngành đã thăm Chi-lê. Về phía Chi-lê, Tổng thống Ri-các-đô La-gôt (10/2003), Tổng thống Mi-chen Ba-chê-lê (11/2006); Bộ trưởng Ngoại giao Ích-na-xi-ô Gu-a-kơ (01/2006), Phó Chủ tịch Hạ viện Hô-rơ-hê U-giô-a (7/2008), Thứ trưởng Ngoại giao Van Cla-vê-rê-n (8/2009) và một số đoàn kinh tế - thương mại đã thăm Việt Nam.

Việt Nam và Chi-lê đã ký nhiều văn kiện hợp tác, gồm: các Hiệp định hợp tác về Kinh tế - Thương mại; Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư, Khoa học-Công nghệ, Miễn thị thực đối với hộ chiếu ngoại giao và công vụ, Kiểm dịch Động vật và Thú y, ngành mỏ, nghề cá và nuôi trồng thủy sản, du lịch; các Thỏa thuận và Bản Ghi nhớ về: Tham khảo Chính trị và Hợp tác giữa hai Bộ Ngoại giao, thành lập Ủy ban hợp tác liên chính phủ Việt Nam-Chi-lê, trao đổi và hợp tác Văn hoá - Giáo dục, Ý định thư về việc thành lập Nhóm công tác chung về Hiệp định Thương mại tự do. Hai bên đã chính thức ký kết Hiệp định Thương mại tự do (FTA) bên lề Hội nghị cấp cao APEC tại Hawaii, Mỹ vào ngày 11/11/2011 sau khi trải qua 8 vòng đàm phán trong 3 năm.

Chi-lê mong muốn củng cố quan hệ đặc biệt với Việt Nam, trong tư cách là một đối tác thương mại lớn.

Sự hợp tác của Chi-lê được triển khai trên nhiều lĩnh vực. Một trong số đó là thỏa thuận hợp tác ba bên với ASEAN, đã được thực hiện ba năm liên tiếp, trong đó có sự đóng góp của Viện Khoa học Nông nghiệp của Chi-lê và trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam) để đưa vào trồng cây Diêm mạch ở Việt Nam, qua đó mở ra những cơ hội hợp tác và phát triển mới.

Các nền kinh tế của cả hai nước sẽ được hưởng lợi từ việc hội nhập một cách tích cực, thông qua sự tham gia vào việc tạo ra các chuỗi giá trị cùng có lợi và việc tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại

Các chỉ số kinh tế

	2015	2016	2017
--	------	------	------

GDP ngang giá sức mua	439,9 tỉ USD	445,5 tỉ USD	452,1 tỉ USD
GDP theo tỉ giá thực			277 tỉ USD
Tăng trưởng GDP	2,3%	1,3%	2,5%
GDP theo đầu người	24.000 USD	24.500 USD	24.600 USD
GDP theo ngành	Nông nghiệp (4,2%); công nghiệp (32,8%); Dịch vụ (63%) (ước 2017)		
Lực lượng lao động			8,881 triệu người
Tỷ lệ lạm phát		3,8%	2,2%
Mặt hàng nông nghiệp	Nho, táo, lê; hành, lúa mì, bắp, đào, yến mạch, tỏi, măng tây đậu; thịt bò, thịt gia cầm, len; cá, gỗ xẻ		
Các ngành công nghiệp	Đồng, lithium, khoáng sản khác; thực phẩm, chế biến cá, sắt thép, gỗ và sản phẩm gỗ, thiết bị vận tải, xi-măng, dệt		
Tăng trưởng công nghiệp			-0,4%
Kim ngạch xuất khẩu		60,6 tỉ USD	69,23 tỉ USD
Mặt hàng XK chính	Đồng, trái cây, cá, giấy và bột giấy, hóa chất, rượu		
Thị trường XK chính	Trung Quốc (27,5%), Hoa Kỳ (14,5%), Nhật Bản (9,3%), Hàn Quốc (6,2%), Brazil (5%) -Ước số liệu 2017		
Kim ngạch nhập khẩu		55,29 tỉ USD	61,31 tỉ USD
Mặt hàng NK chính	Xăng dầu, hóa chất, thiết bị điện tử viễn thông, máy công nghiệp, xe cộ, khí gas		
Bạn hàng NK chính	Trung Quốc (23,9%), Hoa Kỳ (18,1%), Brazil (8,6%), Argentina (4,5%), Đức (4%) (2017)		



Chương 3: Bán sản phẩm và dịch vụ

Dùng nhà môi giới để bán sản phẩm và dịch vụ

Nhìn chung, nhà đầu tư nước ngoài đến thị trường Chi-lê thường chỉ định một đại lý, nhà phân phối hay nhà bán sỉ. Hầu hết các công ty Chi-lê làm đại lý, nhà phân phối đa số đều là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, các công ty lớn có thể giải quyết những công việc phức tạp hơn và hoạt động như nhà bán sỉ. Tuy nhiên công ty địa phương có văn phòng tại Santiago, các công ty lớn có nhiều văn phòng chi nhánh ở khắp cả nước, thường thấy ở Concepción, thành phố lớn thứ hai Chi-lê ở phía Nam, hay ở thành phố phía Bắc ở Antofagasta, trung tâm của quốc gia của khai khoáng Chi-lê. Nhiều công ty cũng có đại diện ở các khu thương mại tự do vùng Iquique (phía bắc) và Punta Arenas (phía Nam). Hoa hồng của các nhà đại lý thường ở mức từ 5 đến 10%, tùy loại sản phẩm.

Chi-lê là thị trường tương đối nhỏ nên quan hệ với cộng đồng doanh nghiệp rất quan trọng và là chìa khóa đến thành công. Lựa chọn đại lý tại Chi-lê là quyết định cần thiết đối với nhà xuất khẩu. Các công ty nên xem qua bản năng lực ứng viên, các phẩm chất và năng lực.

Lập văn phòng

Khi lập văn phòng tại Chi-lê, có 4 dạng công ty thường được thành lập nhất. Có 2 cách thành lập doanh nghiệp tại Chi-lê: thông qua cách truyền thống, tức thông qua một luật sư tư vấn Chi-lê hay thông qua dịch vụ tự phục vụ qua mạng (áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn từ 2015).

Khi làm việc với một luật sư tư vấn, quá trình này cũng không tốn kém mấy và khoảng 3 tuần. Chi phí trực tiếp ước khoảng 1.500 USD cho phí thủ tục và 300 USD cho các khoản chi tiêu như công chứng, đăng ký thương mại, và đăng công báo. Chi-lê không có yêu cầu gia nhập tối thiểu địa phương, và việc lựa chọn đối tác trong nước hay không chỉ là vấn đề hướng dẫn thương mại chung, không bắt buộc.

Từ tháng Năm 2013, chính phủ Chi-lê tiến hành công thông tin qua mạng để điều chỉnh việc thành lập doanh nghiệp mới chỉ trong 24h. Công có giao diện thân thiện, miễn phí, tại địa chỉ: www.tuempresaenundia.cl. Hiện chỉ có công ty trách nhiệm hữu hạn có thể thành lập qua mạng; tuy nhiên, chính phủ Chi-lê cũng có những kế hoạch hiện đại để nâng cao công suất của công có thể áp dụng cho mọi loại hình doanh nghiệp vào 2016.

Dù là thông qua luật sư tư vấn hay qua mạng, trước hết cần một khai báo ý định để đầu tư vào Chi-lê, nêu rõ bản chất của doanh nghiệp và số vốn dự định đầu tư, đồng thời yêu cầu cấp một visa thường trú nhân Chi-lê. Điều này cho phép công ty có sự hiện diện chính thức tại Chi-lê, cần thiết cho việc tiến hành hoạt động thương mại tại Chi-lê.

Trong khuôn khổ luật Chi-lê, doanh nghiệp có thể chọn thành lập dưới nhiều loại hình, mỗi công ty với hướng dẫn về luật và thuế khác nhau. Chi-lê áp dụng mức thuế như nhau cho các loại hình doanh nghiệp.

Nhượng quyền thương mại - Franchising

Tuy Chi-lê có môi trường kinh doanh thuận lợi, suy thoái kinh tế đã ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu nhà hàng, và nhiều nhà hàng đã chuyển sang khái niệm Nhà hàng phục vụ nhanh (QSR), với mức giảm doanh số bình quân 5%. Hiện tại, nhượng quyền với vốn đầu tư ban đầu thấp (trong khoảng 100.000 USD – 200.000USD) có cơ hội thị trường tốt hơn những thương hiệu cần vốn đầu tư ban đầu lớn (500.000 USD trở lên), do các nhà đầu tư Chi-lê tiềm năng rất ít khi đầu tư số tiền lớn. Những nhà đầu tư nhượng quyền Chi-lê chưa có kinh nghiệm, như người trẻ, hay những người thất nghiệp do suy thoái, cũng tìm kiếm cơ hội đầu tư franchise.

Nói chung, nhà đầu tư Chi-lê ít khi sẵn lòng đầu tư lớn, và sẽ không cam kết mở nhiều cửa hàng tại các địa điểm khác nhau tại Chi-lê cho đến khi khoản đầu tư đã cho thấy sự thành công ở một hoặc hai địa điểm.

Có khoảng 130 thương hiệu nhượng quyền đang hoạt động tại Chi-lê với tốc độ tăng trưởng xấp xỉ 60%. Lĩnh vực thực phẩm ăn nhanh (fast food) dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng. Trong lĩnh vực Nhà hàng phục vụ nhanh (QSR), các ý tưởng kinh doanh của Chi-lê dẫn đầu với 35% thị phần.

Các công ty nhượng quyền hoạt động tại Chi-lê chịu sự điều chỉnh của luật thương mại địa phương, và không có qui định đặc thù.

Marketing trực tiếp

Marketing trực tiếp khá phổ biến trong lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt trong dịch vụ tài chính/ngân hàng và viễn thông. Catalog và bán hàng qua mạng chưa phổ biến lắm, nhưng đang có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng trong tầng lớp trung lưu và thượng lưu, người trẻ, và các chuyên gia Internet.

Khách hàng truyền thống Chi-lê thường chuộng xem hàng tại cửa hàng hơn mua theo catalogs. Khách hàng thích có một cửa hàng để cung cấp dịch vụ hậu mãi hoặc giúp sửa chữa khi hư hỏng.

Trao đổi hàng hóa tại Chi-lê có chịu thuế giá trị gia tăng (VAT). Các cửa hàng thường có chính sách cấp tín dụng mua hàng hơn là trả lại tiền. Thẻ tín dụng là lĩnh vực đang tăng trưởng tại Chi-lê.

Liên doanh/ Li-xăng

Tại Chi-lê, các thỏa thuận liên doanh và li-xăng cần có sự tham gia của một đối tác địa phương được thành lập hợp pháp chịu trách nhiệm pháp lý và nghĩa vụ thuế. Nhiều vấn đề liên quan đến quản trị, thương mại, phân phối lợi nhuận và các vấn đề khác trong liên doanh được lập thành hợp đồng giữa hai bên, phù hợp với qui định pháp luật và các qui định về thuế của Chi-lê.

Bán hàng cho chính phủ

Chính phủ Chi-lê có trang mua sắm chính phủ (www.chilecompra.cl), được lập tháng

Ba năm 2000 tăng cường minh bạch, tạo cơ hội cho khối tư nhân, và giảm chi phí mua sắm công của chính phủ. Trang này là trung tâm của hoạt động mua sắm của chính phủ Chi-lê, trong đó bao gồm cả mua sắm vũ khí. Nhà thầu địa phương và nước ngoài cần đăng kí với Cục mua sắm công chính phủ Chi-lê “Dirección de Aprovechamiento del Estado” (Cục mua sắm công chính phủ). Nhà thầu cũng phải đóng tiền đảm bảo, thường tương đương 10% gói thầu, để cam kết sẽ tuân thủ chỉ dẫn và ngày giao hàng. Việc đấu thầu thường được thực hiện thông qua một đại lí địa phương, nơi có sự gắn kết tốt và thông thuộc qui trình đấu thầu của chính phủ Chi-lê.

Kênh phân phối và bán hàng

Nhà xuất khẩu sẽ được đảm bảo tốt về dịch vụ và chương trình xúc tiến phù hợp khi lựa chọn thành lập công ty con hoặc văn phòng chi nhánh tại Chi-lê. Các công ty đã được thành lập hợp pháp tại nước ngoài có thể thành lập một chi nhánh được ủy quyền (agencia) tại Chi-lê. Cách thâm nhập thị trường như vậy cần thêm vốn đầu tư, nhưng sẽ được bù đắp bởi doanh số bán nhờ sự hỗ trợ dịch vụ địa phương.

Một chiến lược thâm nhập thị trường thực tế và phổ biến hơn, đặc biệt đối với nhà xuất khẩu còn lạ lẫm với thị trường, là chỉ định đại lí hay đại diện với năng lực kĩ thuật ổn định và có danh sách người mua hàng. Đa số các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ tại Chi-lê thường được quản lí từ Santiago.

Cảng biển là điểm đến thông dụng của hàng hóa đối với các thương nhân. Khoảng 97% hàng xuất khẩu và 59% hàng nhập khẩu được thực hiện tại các cảng biển, trong đó quan trọng nhất là San Antonio và Valparaíso. Các hình thức khác như sân bay và vận tải lục địa thường đến/xuất phát từ Argentina, Brazil, và Bolivia. Từ điểm tiếp nhận/chuyển hàng hóa, hàng hóa được đưa đến điểm cuối cùng thông qua các phương tiện giao thông đường bộ (chủ yếu là xe tải).

Hệ thống đường xe lửa của Chi-lê còn nhiều hạn chế. Hoạt động logistics đang được hiện đại hóa dần, và nhiều trung tâm lưu giữ kho bãi và phân phối hàng đang được xây dựng, đặc biệt bởi các nhà bán lẻ lớn như cửa hàng bách hóa, chuỗi siêu thị, và các công ty phân phối. Các công ty chuyên phát và phân phối thường hoạt động trên khắp cả nước.

Kĩ thuật và các yếu tố khác trong bán hàng

Tùy theo sản phẩm hay dịch vụ, giá cả có thể trở thành nhân tố quan trọng trong bán hàng tại Chi-lê. Các sản phẩm cạnh tranh hơn về giá từ Đài Loan, Trung Quốc, Ấn Độ hay Hàn Quốc thường bán được nhiều hơn các sản phẩm đắt tiền khác từ châu Âu hay Bắc Mỹ, đặc biệt trong lĩnh vực hàng tiêu dùng như điện tử, trang thiết bị và xe hơi. Tuy nhiên, độ tin cậy của sản phẩm mới đặc biệt quan trọng với người tiêu dùng, với các loại hàng hóa như hàng điện tử tiên tiến hoặc máy công cụ nặng; vì lí do này, khách hàng Chi-lê thường lại sẽ chọn hàng từ Hoa Kỳ hay châu Âu. Tuy giá cả vẫn là yếu tố quan trọng trong quyết định mua hàng, việc người tiêu dùng xem xét đến chất lượng, độ bền, kĩ thuật, dịch vụ khách hàng cũng ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn. Tùy theo ngành công nghiệp, thứ tự ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau. Và mức độ quan trọng của các yếu tố cũng khác nhau tùy theo đối tượng khách hàng và thực tiễn.

Các loại hàng hóa nên ghi nhãn tiếng Tây Ban Nha.

Thương mại điện tử

Trong năm 2014, doanh thu thương mại điện tử đã đạt trên 1,9 tỉ USD. Đây là con số tăng trưởng bùng nổ so với năm 2004, năm có doanh số 94 triệu USD. Doanh thu thương mại điện tử 2015 ước đạt 2,3 tỉ USD. Tuy nhiên, độ thâm nhập của thương mại điện tử tại Chi-lê chỉ mới đạt 3% so với Hoa Kỳ (10%) hoặc Anh (15%). Thương mại điện tử có vai trò chiến lược đối với ngành bán lẻ, như việc Ngày Thương mại điện tử đã bắt đầu từ 6 năm trước, khi đó các trang web không thể giải quyết khối lượng lớn các giao dịch doanh nghiệp – người tiêu dùng (B2C), cho đến nay thì trang đã có platform mạnh hơn.

Thương mại điện tử tại Chi-lê ngày nay đang phát triển nhiều chiến lược kinh doanh mới dựa trên tốc độ kết nối di động được chấp thuận bởi người tiêu dùng Chi-lê. Tại Chi-lê, phân khúc doanh nghiệp – người tiêu dùng (B2C) vẫn còn phát triển khá mạnh so với phân khúc B2B.

Dưới đây là một số trang web thương mại điện tử tại Chi-lê:

- **B2G:**

Mua sắm công chính phủ Chi-lê/ Nhà cung ứng Chi-lê <http://www.chilecompra.cl/>

Dịch vụ ngân khố trong nước Chi-lê <http://home.sii.cl/>

Đăng kí dân sự quốc gia <https://www.registrocivil.cl/>

- **B2B:**

Phòng Thương mại Santiago <http://www.ccs.cl/>

Hợp nhất hệ thống Chi-lê, Sonda <http://www.sonda.com/>

Nhà sản xuất gỗ xẻ Chi-lê, Arauco <http://www.arauco.cl/index.asp>

Nhà cung cấp dịch vụ viễn thông Chi-lê, Entel <http://www.entel.cl/>

- **B2C – Nhà bán lẻ:**

Falabella <http://www.falabella.com/falabella-cl>

Paris (part of Cencosud) <http://www.paris.cl/tienda/es/paris>

Ripley <http://www.ripley.cl/ripley-chile>

Sodimac <http://www.sodimac.cl/sodimac-cl/>

LAN http://www.lan.com/es_cl/sitio_personas/index.html

Jumbo (một phần của Cencosud) <http://www.jumbo.cl/FO/LogonForm>

Xúc tiến thương mại và quảng cáo

• Tổng quan

Phương tiện phát sóng như hệ thống TV mở và các trạm truyền hình địa phương, hệ thống TV cáp và vệ tinh, radio, báo và tạp chí, đều có thể dùng để quảng bá cho phương pháp bán hàng tại cửa hàng. Các đơn vị tư nhân xử lý hầu hết các quảng cáo. Hầu hết các đơn vị tư nhân này thuộc Hiệp hội các cơ quan quảng cáo Chi-lê (ACHAP).

ACHAP ước tính tổng khối lượng đầu tư trong quảng bá truyền thông ở mức khoảng 1.213.000 USD trong năm 2014. Kênh truyền hình không cáp chiếm 40,6% tổng chi tiêu, kế đến là báo chí (22,6%), truyền thông qua mạng (11,8%), bản tin (8,9%), radio (7,6%), truyền hình cáp (6,3%), tạp chí (1,9%), và phim (0,3%). Đầu tư truyền thông năm 2014 ước tính ở mức giảm 5,9% so với cùng kì 2013. Tổng đầu tư cho truyền hình trả tiền và không trả tiền đã là 46,9% và tổng đầu tư cho phương tiện in ấn (báo và tạp chí) là 24,5%. Tuy nhiên, truyền thông qua mạng đã có sự tăng trưởng đáng kể trong tầm ảnh hưởng đối với quảng cáo, kế đến là TV trả tiền (cáp và vệ tinh). Chi quảng cáo thường niên khoảng 68,1 USD tính theo bình quân đầu người tại Chi-lê. Thông tin chi tiết xin tham khảo tại: www.achap.cl.

• Chương trình truyền hình

Chi-lê có khoảng 6 đài truyền hình quốc gia. Các đài này có nguồn kinh phí tự túc nhờ thu phí quảng cáo. Các đài truyền hình tại Santiago là: Televisión Nacional (TVN – kênh 7); Mega TV (kênh 9); Chilevisión (kênh 11); Canal 13 (kênh 13); Red TV (kênh 4); và Universidad Católica de Valparaíso (UCV – kênh 5).

Các chương trình bao gồm chương trình sản xuất trong nước, chuỗi chương trình nước ngoài, và các bộ phim. Các chương trình của Hoa Kỳ chiếm đa số, tuy nhiên cũng có các chương trình của Mexico, Venezuela, Brazil, Argentina, và Nhật Bản. Các nội dung sản xuất trong nước có chất lượng cao và bao gồm tin tức, chương trình chuyên đề, chương trình thực tế, các chương trình phim truyền hình nhiều tập...

Số lượng người đăng kí truyền hình trả tiền (cáp và vệ tinh) đã tăng 10% trong năm 2014 và đạt khoảng 60,2% số hộ gia đình toàn quốc. 4 nhà điều hành cáp và vệ tinh TV bao gồm VTR, Movistar, Claro, và DirectTV, chiếm 95% cả nước. Tất cả nhà cung cấp phát sóng lại tại các đài truyền hình và mang theo nhiều chương trình quốc tế, các đài truyền hình trong nước, như Vía X (kênh 24) và CNN Chi-lê. Các kênh truyền hình mở như TVN và kênh 13 mỗi đài cũng trả phí cho một kênh TV tin tức.

Truyền hình vệ tinh trực tiếp bắt đầu cung cấp dịch vụ tại Chi-lê từ 1997.

• Radio

Radio là phương tiện truyền thông dày đặc nhất Chi-lê và nguồn tin được tin cậy nhiều nhất. Gần như hầu hết các kênh truyền thông đều hoạt động thương mại và có mạng lưới đối tác và cộng tác. network affiliates. Bình thường mỗi người Chi-lê nghe khoảng 4 giờ radio mỗi ngày, chủ yếu là FM. Có khoảng 2.000 kênh AM và FM trên toàn quốc, cộng với khoảng 240 radio cộng đồng. Chi-lê có tỉ lệ nghe radio cao đáng kinh ngạc, với gần 93% người Chi-lê nghe radio và 97% tại Santiago.

Các đài có nhiều người nghe là Radio BíoBío, Radio Cooperativa, Radio ADN, và Radio Agricultura.

- **Báo chí**

Chi-lê có khoảng 50 tờ báo, đa dạng, từ phân phối quốc gia mỗi ngày đến báo thị trấn. Phân phối quốc gia cũng có nhiều loại từ loại 10.000 bản, đến loại 529.000 bản số Chủ nhật của tờ El Mercurio Santiago.

Santiago là trung tâm của khoảng chín tờ báo, với tổng số lượng phát hành mỗi tuần khoảng 2,5 triệu bản. Số bản của các tờ báo địa phương bên ngoài Santiago đạt xấp xỉ khoảng 220.000 bản. Các tờ báo khác cũng được phát hành tại Santiago là các tạp chí tài chính như Diario Financiero và Estrategia, báo ngày Publmetro (sở hữu bởi Metro International), La Hora (Copesa sở hữu), và Hoyxhoy (sở hữu bởi El Mercurio).

Chi-lê có hai công ty truyền thông lớn: El Mercurio SAP và Consorcio Periodístico de Chile (Copesa), sở hữu 95% báo khu vực và quốc gia.

El Mercurio SAP có một chuỗi báo tại Santiago và tại nhiều thành phố quan trọng trên khắp cả nước. Tờ báo nổi bật là El Mercurio de Santiago, tờ báo rất có ảnh hưởng trên khắp cả nước. Công ty cũng sở hữu tờ báo buổi chiều theo ngày, La Segunda, cũng như ấn phẩm theo ngày phổ biến khác là Las Ultimas Noticias. Công ty cũng xuất bản ấn phẩm khu vực El Mercurio, bên cạnh các tờ báo nhỏ dưới tên La Estrella hoặc El Diario Austral. Công ty cũng có một tờ nhật báo khu vực có tầm ảnh hưởng lớn, El Sur, và có mạng lưới kỹ thuật số 34 đài phát thanh khu vực.

Copesa được sở hữu bởi tập đoàn Alvaro Saieh (Corp Group). Công ty phân phối trên toàn quốc tờ La Tercera, báo tài chính và kinh doanh Pulso, tờ La Cuarta, và tờ tạp chí tin hàng tuần Qué Pasa. Công ty cũng có ấn phẩm theo tháng như Qué Pasa Minería và tạp chí Qué Pasa Energía, dành cho đối tượng thích khai khoáng và năng lượng. Copesa cũng cạnh tranh với El Mercurio về phát thanh, và sở hữu Grupo Dial, nhóm 6 kênh phát thanh phát sóng tại Santiago và nhiều thành phố khác.

Bên cạnh đó còn có El Mostrador là một dịch vụ tin tức qua mạng cánh tả, rất quan tâm đến nhân quyền và các vấn đề chính trị. Đây là một kênh rất phổ biến và được biết đến nhiều trong giới trẻ chuyên môn và các nhà trí thức cánh tả.

Website: www.elmostrador.cl

- **Tạp chí**

Có ấn phẩm ngày thứ bảy của La Tercera, và tạp chí theo trường phái bảo thủ Ercilla, với số lượng bạn đọc khoảng 10.000. Ấn phẩm theo tháng Capital, América Economía, Poder y Negocios hướng đến độc giả chuyên nghiệp và kinh doanh. Các tạp chí chuyên về thời trang, ngôi sao và phong cách sống có Cosas và Caras.

Có một trang web định dạng như một tạp chí, CIPER Chile, điều hành bởi một nhóm các phóng viên điều tra, chuyên vạch trần những tội tham nhũng và nghiên cứu các vấn đề quan trọng khác liên quan đến chính quyền và công chúng. CIPER Chile công bố các stories tại chính trang của mình và không có thời gian biểu đặt trước. Công ty cũng điều hành một tổ chức độc lập, phi lợi nhuận tiếp nhận vốn từ COPESA, Open

Society Foundation (Luân Đôn), và Ford Foundation.

Xem chi tiết tại website: www.ciperchile.cl

Các đường dẫn đến các ấn phẩm, đài truyền hình và mạng lưới truyền thông chính:

El Mercurio <http://www.emol.com/>

Consorcio Periodístico de Chile (COPESA) <http://www.copesa.cl/>

Estrategia (nhật báo kinh tế và tài chính) <http://www.estrategia.cl/>

El Diario (nhật báo kinh tế và tài chính) <https://www.df.cl/>

Pulso (nhật báo kinh doanh và tài chính) <http://www.pulso.cl/>

Đài truyền hình quốc gia (TVN) <http://www.tvn.cl/>

Đại học Công giáo Valparaíso TV <http://www.ucvtv.cl/home.php>

Mega TV <http://www.mega.cl/home/>

Chilevisión TV <http://www.chilevision.cl/>

Radio Cooperativa FM <http://www.cooperativa.cl/> (đài hợp tác xã)

Radio Agricultura FM <http://www.radioagricultura.cl/> (đài nông nghiệp)

Radio BioBio FM <http://www.biobiochile.cl/>

Định giá

Định giá tại Chi-lê bắt đầu với công thức trực tiếp từ giá CIF: chi phí cộng chi phí giao hàng đến tận kho thường xuyên ổn định. Tổng margin (lợi nhuận biên) cho hàng tiêu dùng thường ở mức 30% đến 50% hoặc hơn nếu bán hàng trực tiếp, hoặc 20% đến 30% cho nhà nhập khẩu/phân phối và nhà bán lẻ khi có chuỗi phân phối. Giá cuối cùng cho sản phẩm bày bán rộng rãi nên có tính cạnh tranh so với hàng nhập khẩu từ Hoa Kỳ và/hoặc Brazil. Sản phẩm được định giá cao hơn nên có phân khúc thị trường ngách để phát triển. Các sản phẩm có tính đặc thù hơn được bán bởi nhà phân phối trữ hàng hay bởi đại lí, những nơi này thường thu về mức margin (lợi nhuận) từ 5 đến 10% doanh số.

Hậu mãi/ Dịch vụ khách hàng

Chính sách hậu mãi và dịch vụ khách hàng cần thiết để thậm nhập và duy trì thị phần thành công. Bất kì sản phẩm nào cần đào tạo nhà vận hành hoặc cần dịch vụ kĩ thuật hậu mãi cần phải có một công ty trong nước đang hoạt động. Do xã hội Chi-lê xây dựng dựa trên những quan hệ mật thiết tương đối, những câu chuyện ảnh hưởng đến danh tiếng của công ty có thể sớm được lan truyền chỉ trong thời gian ngắn.

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Nhiều nguyên tắc chung rất quan trọng để quản lí hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ (“IP”) tại Chi-lê. Đầu tiên, cần có chiến lược tổng quan để bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (IP).

Thứ hai, IP sẽ được bảo hộ tương đối khác tại Chi-lê (ví dụ so với Hoa Kỳ). Thứ ba, quyền sở hữu trí tuệ cần được đăng kí và cho thực thi tại Chi-lê, theo luật địa phương. Ví dụ, thương hiệu và bản quyền sáng chế tại Việt Nam sẽ không được bảo hộ tại Chi-lê. Không có một “quyền sở hữu” quốc tế nào bảo hộ tác giả trên khắp thế giới. Bảo hộ chống sử dụng bản quyền chưa được sự cho phép của tác giả tại một quốc gia phụ thuộc vào luật định của quốc gia đó.

Cấp bằng sáng chế thường dựa theo nguyên tắc “hồ sơ đầu tiên”, quyền đầu tiên. Nguyên tắc tương tự cũng được áp dụng cho nhãn hiệu. Các công ty cần hiểu quyền sở hữu trí tuệ là một quyền tư hữu. Chủ sở hữu quyền nên chủ động đăng kí, bảo hộ và cho thực thi quyền của mình nếu phù hợp, có mạng lưới tư vấn và chuyên gia hỗ trợ riêng, có thể là luật sư tư vấn địa phương hay các nhà tư vấn IP hiểu pháp luật Chi-lê.

Doanh nghiệp nên tiến hành nghiên cứu một cách thận trọng các đối tác tiềm năng. Một đối tác tốt là một đồng minh quan trọng trong việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (IP). Tuy nhiên nên xem xét một cách thận trọng việc có nên để cho đối tác thay mặt công ty đăng kí bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (IP) hay không. Điều này có thể tạo rủi ro rằng đối tác sẽ đăng kí với danh nghĩa chính mình.

Các dự án và thương vụ tại Chi-lê đòi hỏi sự quan tâm thường xuyên liên tục. Nên hợp tác xây dựng các hợp đồng bao gồm cả những điều khoản không cạnh tranh, và điều khoản bảo mật/ không công bố.

Một số tổ chức bảo hộ IP của Chi-lê:

- Liên minh chống hàng giả và vi phạm bản quyền
- Liên minh chống hàng giả quốc tế (IACC) tại Chi-lê
- Tổ chức ngành kỹ thuật vi sinh (BIO)

Chương 4: Quan hệ thương mại Việt Nam – Chi-lê

Quan hệ thương mại song phương

Trong lĩnh vực thương mại, Việt Nam là một đối tác quan trọng của Chi-lê. Các quan hệ giữa hai bên bao gồm nhiều lĩnh vực, đa dạng và ngày càng sâu sắc, với nhiều triển vọng lớn.

Chile là một trong những quốc gia đầu tiên công nhận nền kinh tế thị trường của Việt Nam. Hai bên đã ký Hiệp định Thương mại tự do (FTA) bên lề Hội nghị cấp cao Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC) tại Hawaii, Mỹ tháng 11/2011. Ngày 1/12/2014, FTA Việt Nam-Chile đã chính thức có hiệu lực, đánh dấu sự phát triển vượt bậc trong hợp tác thương mại giữa hai nước. Hai bên cũng đã tổ chức các phiên họp lần I và lần II Hội đồng Thương mại tự do Việt Nam-Chile.

Giữa hai nước đã có Hiệp định thương mại tự do, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2014. Đây là hiệp định đầu tiên và duy nhất mà Việt Nam ký kết với một nước Mỹ La tinh. Hiệp định này bao trùm lên hơn 9 nghìn sản phẩm, mở ra những tiềm năng trao đổi thương mại mới cho cả hai bên và tạo điều kiện thuận lợi cho mỗi nước tiếp cận với các thị trường khác trong từng khu vực.

Trước đây, khi chưa có hiệp định thương mại tự do, hàng hoá của Việt Nam phải chịu thuế nhập khẩu vào Chi-lê (trung bình là 6%) và hàng hóa của Chi-lê nhập khẩu vào Việt Nam còn phải chịu thuế suất cao, kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều giữa hai nước chỉ đạt gần 500 triệu USD/năm và Việt Nam luôn luôn nhập siêu từ Chi-lê.

Năm 2014 là năm đầu tiên, ta không chỉ cân bằng được cán cân thanh toán với Chile mà còn xuất siêu sang thị trường này trên 154 triệu USD. Trong năm, nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Chi-lê đã tăng đáng kể về khối lượng cũng như trị giá như xi măng với gần 570 nghìn tấn, giày dép trên 700 nghìn đôi, các sản phẩm dệt may đạt trên 100 triệu USD, xuất khẩu các sản phẩm khác như máy tính, đồ gỗ, vật xây dựng, cá ba sa và cá rô phi, đồ dùng nhà bếp, đồ nhựa và hàng nội thất cũng tăng trưởng rất ấn tượng.

Năm 2015, xuất khẩu của Việt Nam sang Chi-lê đạt 655,7 triệu USD, tăng 197,2% so với năm 2013 (đạt 220,6 triệu USD) và tăng 29,3% so với năm 2014 (đạt 507,3 triệu USD). Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu từ thị trường này đạt 294,9 triệu USD, giảm 7,8% so với năm 2013 (đạt 319,8 triệu USD) và giảm 20,2% so với năm 2014 (đạt 369,4 triệu USD).

Hai quốc gia cũng trao đổi các biện pháp cụ thể nhằm tăng cường hợp tác về kinh tế, thương mại, đầu tư và trên các lĩnh vực hai bên có nhiều tiềm năng hợp tác như nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông thủy sản, ứng phó với biến đổi khí hậu, khởi nghiệp – sáng tạo, đào tạo, du lịch, thể thao; tiếp tục triển khai có hiệu quả các kỳ họp Hội đồng thương mại tự do Việt Nam – Chile; phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Hai nhân mạnh cần tăng cường quan hệ giữa hai Quốc hội và các hoạt động ngoại giao nhân dân.

Năm 2018 kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Chi Lê đạt 1,09 tỷ USD, giảm 15% so với năm 2017. Việt Nam xuất siêu sang Chi Lê 475,1 triệu USD, giảm 33,7%.

Xuất khẩu

Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Chi Lê năm 2018 giảm 21,8% về kim ngạch so với năm 2017, đạt 781,71 triệu USD; trong đó riêng tháng 12/2018 đạt 40,95 triệu USD, giảm 21,7% so với tháng 11/2018 và giảm 39,2% so với tháng 12/2017.

Hàng hóa xuất sang thị trường Chi Lê chỉ có 5 nhóm hàng chủ yếu là: Gạo, Clinker và xi măng, dệt may, giày dép; sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ.

Nhóm hàng giày dép đứng đầu về kim ngạch, chiếm 18,1% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa các loại sang thị trường này, đạt 141,65 triệu USD, tăng 3,6% so với năm 2017. Riêng tháng cuối năm 2018, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này sang Chi Lê đạt 8,04 triệu USD, giảm 38% so với tháng 11/2018.

Nhóm hàng dệt may chiếm 16,8%, đạt 131,68 triệu USD, tăng 47,9% so với năm 2017; Clinker và xi măng chiếm 0,9%, đạt 7,02 triệu USD; sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ đạt 2,55 triệu USD, giảm 12,3%; gạo đạt 0,39 triệu USD, giảm mạnh 77,6%.

Xuất khẩu hàng hóa sang Chi Lê năm 2018

DVT: USD

Nhóm hàng	T12/2018	+/- so với T11/2018(%)	Năm 2018	+/- so năm 2017 (%)
Tổng kim ngạch XK	40.953.163	-21,68	781.710.524	-21,78
Giày dép các loại	8.041.706	-38	141.646.094	3,64
Hàng dệt, may	12.007.076	-5,64	131.681.306	47,93
Clinker và xi măng			7.022.307	
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	235.590	146,32	2.551.638	-12,29
Gạo	53.990	157,03	391.233	-77,64

(Tính toán từ số liệu của TCHQ)

Nhập khẩu

Theo tính toán từ số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan Việt Nam, năm 2018 Việt Nam nhập khẩu hàng hóa từ Chi Lê trị giá 306,61 triệu USD, tăng 8,4% so với năm 2017. Trong đó riêng tháng 12/2018 nhập khẩu 24,43 triệu USD, tăng 5,6% so với tháng 11/2018 nhưng giảm 10,4% so với tháng 12/2017.

Hàng hóa nhập khẩu từ thị trường Chi Lê cũng chỉ có 7 nhóm hàng chủ yếu; trong đó là máy móc, thiết bị, hàng điện tử và hàng công nghiệp; trong đó gỗ và sản phẩm gỗ dẫn đầu về kim ngạch, với 81,21 triệu USD, chiếm 26,5% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa các loại từ thị trường này, tăng 21,5% so với cùng kỳ năm trước.

Nhóm hàng thủy sản đứng vị trí thứ 2 về kim ngạch, với 64,58 triệu USD, chiếm 21,1%, tăng 21,2% so với cùng kỳ; kim loại thường đứng thứ 3 với 56,74 triệu USD, chiếm 18,5%, giảm 29,9%. Tiếp sau đó là nhóm thức ăn gia súc và nguyên liệu trên 25 triệu USD, chiếm 8,2%, tăng 152,7%; phế liệu sắt thép đạt 23,06 triệu USD, tăng

78,2%; dầu mỡ động, thực vật đạt 11,22 triệu USD, giảm 26,6%; rau quả đạt 9,99 triệu USD, tăng 99,9%.

Nhập khẩu hàng hóa từ Chi Lê năm 2018

Nhóm hàng	T12/2018	+/- so với T11/2018(%)	Năm 2018	+/- so năm 2017 (%)
Tổng kim ngạch NK	24.432.098	5,63	306.609.635	8,44
Gỗ và sản phẩm gỗ	8.575.005	23,97	81.212.498	21,45
Hàng thủy sản	5.709.568	-8,12	64.580.744	21,15
Kim loại thường khác	4.354.892	15,17	56.735.137	-29,85
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	672.833	-1,56	25.009.037	152,7
Phế liệu sắt thép	1.517.810	95,19	23.061.123	78,17
Dầu mỡ động, thực vật	823.976	-9,22	11.221.172	-26,58
Hàng rau quả	141.558	310,9	9.986.010	99,87

(Tính toán từ số liệu của TCHQ)

Tháng 1/2019 xuất siêu sang Chi Lê đạt 38,66 triệu USD

Trong tháng 1/2019, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Chi Lê đạt 71,61 triệu USD, tăng 74,9% so với tháng 12/2018 nhưng giảm 4,4% so với tháng 1/2018. Có 3 nhóm hàng chủ yếu là dệt may, giày dép; sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ; trong đó dệt may đạt 15,73 triệu USD, tăng 70% so với tháng 1/2018; giày dép đạt 10,15 triệu USD, tăng 7,9%; sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ đạt 0,12 triệu USD, giảm 54,7%.

Cũng trong tháng 1/2019, nhập khẩu hàng hóa từ Chi Lê đạt 32,95 triệu USD, tăng 34,9% so với tháng 12/2018 và tăng 5,6% so với tháng 1/2018. Trong đó, nhập khẩu nhiều nhất là gỗ và sản phẩm gỗ 11,24 triệu USD, tăng 129,9% so với cùng kỳ, Kim loại thường 6,23 triệu USD, giảm 1,5%; thủy sản 3,77 triệu USD, giảm 69,5%; phế liệu sắt thép 2,19 triệu USD, giảm 30,6%; Dầu mỡ động, thực vật 0,97 triệu USD, tăng 71,8%; Thức ăn gia súc và nguyên liệu 0,69 triệu USD; rau quả 0,11 triệu USD, giảm 38,4%.

Tận dụng Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Chi-lê

Ngày 11 tháng 11 năm 2011 tại Hawaii (Mỹ), bên lề Hội nghị Thượng đỉnh APEC, trước sự chứng kiến của Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Trương Tấn Sang và Tổng thống nước Cộng hòa Chi-lê Sebastian Pinera, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Chi-lê đã được ký kết.

Theo cam kết, Chi-lê sẽ xóa bỏ thuế quan đối với 99,62% số dòng thuế (chiếm 100% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Chi-lê năm 2007) trong thời gian không quá

10 năm. Ngược lại, Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế quan đối với 87,8% số dòng thuế (chiếm 91,22% kim ngạch nhập khẩu từ Chi-lê năm 2007) trong vòng 15 năm.

Hiệp định được phê chuẩn và chính thức đi vào hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2014 đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng nhảy vọt kim ngạch thương mại hai chiều giữa hai nước. Năm 2015, hai năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, tổng kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Chi-lê đạt 950,6 triệu USD, tăng 75,9% so với năm 2013 (đạt 540,4 triệu USD) và tăng 8,4% so với năm 2014 (đạt 876,6 triệu USD).

Theo một nghiên cứu mới đây, về tỷ trọng các mặt hàng tận dụng được ưu đãi của Hiệp định, mặt hàng lanhke và xi măng đạt tỷ lệ sử dụng cao nhất (100%), tiếp theo là mặt hàng giày dép các loại (54%), gạo (37%) và hàng dệt may (19%). Một trong những nguyên nhân của việc sử dụng được ưu đãi cao là do quy tắc xuất xứ của Hiệp định tương đối đơn giản, đa số hàng hóa chỉ cần đáp ứng tiêu chí xuất xứ hàm lượng giá trị khu vực không dưới 40% (RVC 40%) hoặc chuyển đổi mã số hàng hóa ở cấp 4 số (CTH) là đủ điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế quan.

Về cơ cấu kinh tế, xuất nhập khẩu của Việt Nam và Chi-lê có ít những mặt hàng cạnh tranh nhau, chủ yếu có tính bổ sung cho nhau. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Chi-lê đã mang lại những cơ hội to lớn cho tăng trưởng thương mại giữa hai nước. Các mặt hàng như giấy dếp, quần áo, đồ gỗ, cà phê của Việt Nam cũng như cá hồi, nho, sê-ri, gỗ thông và bột giấy... của Chi-lê sẽ tiếp tục tăng kim ngạch do được giảm thuế nhập khẩu. Ngoài ra, Việt Nam còn được kỳ vọng là cửa ngõ cho hàng hóa Chi-lê thâm nhập thị trường ASEAN và Chi-lê là cửa ngõ cho hàng Việt Nam vào Mỹ Latinh.

Các sản phẩm thương mại chủ yếu trong quan hệ song phương

Năm 2018, Việt Nam nhập khẩu các sản phẩm từ Chile với tổng giá trị 958 triệu USD, tăng 23,073 triệu USD (tăng 8,2%). Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Chile năm 2018 đạt mức 781,946 triệu USD thấp hơn mức 998,630 triệu USD năm 2017.

Các sản phẩm chính Việt Nam nhập khẩu từ Chile là gỗ và các sản phẩm từ gỗ (HS 44) với giá trị kim ngạch đạt mức 81,212 triệu USD, tăng 14,408 triệu USD so với năm 2017. Mặt hàng kế tiếp có kim ngạch nhập khẩu cao từ Chile là cá và động vật giáp xác (HS 03), đạt kim ngạch 63,506 triệu USD năm 2018. Các sản phẩm từ đồng kim loại (HS 74) có kim ngạch nhập khẩu đạt 56,530 triệu USD năm 2018, giảm 24,3 triệu USD so năm 2017. Thức ăn gia súc (HS 23) cũng là mặt hàng nhập khẩu có kim ngạch xếp thứ 4 từ Chile, đạt kim ngạch 25 triệu USD tăng 152% so với năm 2017. Sắt thép (HS 72) đạt kim ngạch nhập khẩu là 23,265 triệu USD, tăng 80% so với năm 2017.

Một số sản phẩm nhập khẩu của Việt Nam từ Chi-lê

Đơn vị tính: ngàn USD

Mã HS	Mặt hàng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
	Tổng kim ngạch	231.738	282.885	305.958
44	Gỗ và các sản phẩm từ gỗ; than gỗ	63.057	66.804	81.212
03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống dưới nước khác	21.789	53.424	63.507
74	Đồng và sản phẩm từ đồng	90.047	80.874	56.530
23	Thức ăn gia súc	8.379	9.897	25.009
72	Sắt và thép	3.518	12.950	23.265
15	Chất béo và dầu động vật hoặc thực vật và các sản phẩm của chúng	12.000	15.283	11.221
08	Trái cây và các loại hạt ăn được	3.266	4.895	9.900
22	Đồ uống, rượu mạnh và giấm	6.808	6.258	8.639

47	Bột của gỗ hoặc vật liệu xenlulo khác;	1.558	4.133	7.404
30	Dược phẩm	4.281	6.966	5.168
28	Hóa chất vô cơ; hợp chất hữu cơ hoặc vô cơ của kim loại quý, kim loại đất hiếm	2.859	5.577	2.206
12	Hạt dầu và trái cây có dầu; ngũ cốc, hạt và trái cây	663	750	1.828
31	Phân bón	3.081	3.983	1.523
17	Đường và bánh kẹo	517	1.146	1.177

(Nguồn trademap 2019)

Năm 2018, Việt Nam cũng xuất khẩu sang Chile với tổng kim ngạch đạt 781,946 triệu USD, giảm 21% so với kim ngạch xuất khẩu 998,6 triệu USD năm 2017.

Sản phẩm có kim ngạch xuất hàng đầu sang Chile năm 2018 là máy móc thiết bị điện (HS 85) với kim ngạch đạt 248,6 triệu USD giảm 318,8 triệu USD so với mức 567,5 triệu USD năm 2017. Giày dép (HS 64) là nhóm sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu đứng thứ 2, đạt mức 141,7 triệu USD, tăng 5,1 triệu USD so năm 2017. Các mặt hàng dệt may, quần áo (HS 61) là nhóm mặt hàng xuất khẩu xếp thứ 3 của Việt Nam sang Chile với kim ngạch xuất khẩu năm 2018 đạt 79,9 triệu USD, tăng 33 triệu USD tăng 70% so với mức kim ngạch 46,8 triệu USD năm 2017. Nhóm mặt hàng máy móc (HS 84) có kim ngạch xuất khẩu đạt 66,5 triệu USD, tăng 5,7 triệu USD so với năm 2017. Mặt hàng may mặc (HS 62) chiếm tỉ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Chile trong năm 2018, đạt kim ngạch 50,7 triệu USD, tăng 9 triệu USD (tăng 22%) so với năm 2017. Xe và phụ kiện (HS 87) có kim ngạch xuất khẩu đạt 18,8 triệu USD, tăng không nhiều so với năm 2017 (chỉ tăng 0,4 triệu USD). Mặt hàng đồ nội thất giường nệm (HS 94) có kim ngạch xuất sang Chile năm 2018 đạt 16,3 triệu USD giảm 3,2 triệu USD (giảm 16%) so với mức 19,5 triệu USD năm 2017. Các mặt hàng bằng da túi xách (HS 42) đạt kim ngạch xuất khẩu 15,59 triệu USD tăng nhẹ so với mức 14,73 triệu USD năm 2017. Các mặt hàng Cà phê, trà, gia vị có kim ngạch xuất khẩu 10,64 triệu USD, tăng so với mức 9,33 triệu USD năm 2017. Cao su và các mặt hàng từ cao su (HS 40) đạt kim ngạch xuất khẩu 10,23 triệu USD năm 2018. Vôi và xi măng (HS 25) có kim ngạch xuất khẩu năm 2018 đạt 8,34 triệu USD. Các mặt hàng từ nhựa (HS 39) có kim ngạch xuất khẩu năm 2018 đạt 8,13 triệu USD.

Một số sản phẩm Việt Nam xuất khẩu sang Chi-lê

Đơn vị tính: ngàn USD

HS	Mặt hàng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
	Tổng kim ngạch	805.234	998.630	781.946
85	Máy móc thiết bị điện và linh kiện của chúng; máy ghi âm, truyền hình. .	402.602	567.511	248.624
64	Giày dép và phụ kiện	125.527	136.515	141.685

61	Các mặt hàng may mặc và phụ kiện quần áo, dệt kim hoặc móc	35.905	46.839	79.927
84	Máy móc, thiết bị cơ khí, nồi hơi; các bộ phận của chúng	68.454	60.827	66.508
62	Các mặt hàng may mặc và phụ kiện quần áo, không dệt kim hoặc móc	36.994	41.617	50.659
87	Xe và các bộ phận và phụ kiện của chúng	17.898	18.371	18.777
89	Tàu, thuyền và công trình nổi	11.703	93	17.523
94	Đồ nội thất; giường, nệm, nệm ...	8.881	19.549	16.322
03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống dưới nước khác	10.969	13.041	15.893
42	Các mặt hàng bằng da; yên ngựa và dây nịt; túi xách ...	7.727	14.731	15.599
09	Cà phê, trà và gia vị	5.771	9.330	10.641
40	Cao su và các mặt hàng của chúng	3.792	5.669	10.237
25	Vôi và xi măng	18.416	1.284	8.339
56	Nỉ và vải không dệt; sợi đặc biệt; dây bện, dây, dây thừng	4.778	3.317	8.299
39	Nhựa và các sản phẩm bằng chất dẻo	5.169	5.796	8.133
52	Cotton	2.093	3.457	6.590
16	Các chế phẩm từ thịt, cá hoặc động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật không xương sống dưới nước khác	3.121	4.466	5.150
95	Đồ chơi, trò chơi và dụng cụ thể thao; bộ phận và phụ kiện của chúng	4.462	4.648	4.153
73	Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép	1.147	546	4.054

(Nguồn trademap 2019)



Chương 5: Qui định thương mại, hải quan và tiêu chuẩn

Thuế nhập khẩu theo FTA Việt Nam – Chile

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang Chi-lê sẽ bắt đầu được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Chi-lê. Theo Hiệp định FTA Việt Nam – Chi-lê, Chi-lê cam kết xoá bỏ thuế quan đối với 99,62% số dòng thuế (chiếm 100% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Chi-lê năm 2007) trong thời gian không quá 10 năm.

Trong đó, 83,54% số dòng thuế (chiếm 81,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam) sẽ được hưởng thuế 0% ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực. Danh mục này đã bao gồm những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vào Chi-lê như: thủy sản, cà phê, chè đen, dầu thô, rau quả tươi và chế biến, thịt gia súc, gia cầm đông lạnh và chế biến, một số mã hàng dệt may, giày dép.

537 dòng thuế (chiếm 6,96% số dòng thuế và 4,6% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào Chi-lê) sẽ được hạ thuế về 0% trong vòng 5 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực.

704 dòng thuế nữa (chiếm 9,12% số dòng thuế và 13,6% kim ngạch) sẽ được hạ về 0% trong vòng 10 năm. Danh mục loại trừ của Chi-lê chỉ có 29 dòng thuế (chiếm 0,38% số dòng thuế và là những mặt hàng Việt Nam chưa xuất khẩu vào Chi-lê).

Việt Nam cũng cam kết xoá bỏ thuế quan đối với 87,8% số dòng thuế (chiếm 91,22% kim ngạch nhập khẩu từ Chi-lê năm 2007) trong vòng 15 năm. 12,2% số dòng thuế còn lại sẽ không xoá bỏ thuế, được chia vào ba danh mục: (1) Danh mục loại trừ gồm 374 dòng thuế (chiếm 4,08% số dòng thuế) trong đó có các mặt hàng: xăng dầu, đường, lốp cũ, vải vụn, ô tô (xe con, dưới 10 chỗ, thiết kế đặc biệt, trên 10 chỗ), quần áo cũ, rác thải y tế - công nghiệp, tàu thuyền đánh bắt thủy sản dưới 250 T, thuốc lá điếu...; (2) Danh mục giữ nguyên thuế suất cơ sở: 309 dòng thuế (chiếm 3,37% số dòng thuế) gồm các mặt hàng: cánh và đùi gà và phụ phẩm, bã rượu vang, cặn rượu, đồ uống có rượu khác, động cơ bộ phận phụ tùng ô tô – xe máy, tấm thép đen, thép cơ khí chế tạo, xe máy, xe tải...; (3) Danh mục chỉ thực hiện cắt giảm thuế một phần gồm 435 dòng thuế (chiếm 4,75% số dòng thuế).

Một số hàng hóa nhập khẩu phải chịu thuế “hàng xa xỉ” ở mức 15% giá trị hàng nhập khẩu. Các loại hàng hóa này bao gồm bia, sisa, rượu các loại; vàng, bạch kim, chế phẩm từ ngà voi; trang sức và đá quý tự nhiên hay tổng hợp; lông thú chất lượng cao; nhà di động dùng cho xe kéo; trứng các muối và các chế phẩm; các sản phẩm pháo, như pháo hoa, bộc phá, và tương tự (trừ sản phẩm dùng cho công nghiệp, khai khoáng hay nông nghiệp); vũ khí hơi và phụ kiện (trừ vũ khí săn bắn dưới nước); thảm cao cấp và sản phẩm tương tự. Nhiều sản phẩm chịu thuế rất cao như thuốc lá, xì-gà.

Mọi sản phẩm đều chịu thuế giá trị gia tăng 19% (IVA).

Thuế nhập khẩu theo FTA Việt Nam – Chile trong CPTTP

Các nước CPTTP cam kết xoá bỏ hoàn toàn từ 97% đến 100% số dòng thuế nhập khẩu đối với hàng hóa có xuất xứ từ Việt Nam, tùy theo cam kết của từng nước. Gần như toàn bộ hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào các nước CPTTP khác sẽ được xoá bỏ thuế nhập khẩu hoàn toàn ngay khi Hiệp định có hiệu lực hoặc theo lộ trình. Một số cam kết thuế nhập khẩu của các đối tác CPTTP như sau:

- Ca-na-đa cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu cho 95% số dòng thuế và 78% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Ca-na-đa ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Trong đó, 100% kim ngạch xuất khẩu thủy sản và 100% kim ngạch xuất khẩu gỗ được xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực.
- Nhật Bản cam kết xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực đối với 86% số dòng thuế (tương đương 93,6% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản), và gần 90% số dòng thuế sau 5 năm. Trong Hiệp định CPTPP, Nhật Bản lần đầu tiên cam kết xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu cho đại đa số nông, thủy sản xuất khẩu của ta.
- Pê-ru cam kết xóa bỏ 80,7% số dòng thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực, tương đương 62,1% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam và sẽ xóa bỏ thuế quan đối với 99,4% số dòng thuế vào năm thứ 17 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.
- Mê-hi-cô cam kết xóa bỏ 77,2% số dòng thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực, tương đương 36,5% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam và sẽ xóa bỏ thuế quan đối với 98% số dòng thuế vào năm thứ 10 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.
- **Chi-lê** cam kết xóa bỏ 95,1% số dòng thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực, tương đương 60,2% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam và sẽ xóa bỏ thuế quan đối với 99,9% số dòng thuế vào năm thứ 8 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.
- Ôt-xtrây-li-a cam kết cắt giảm 93% số dòng thuế, tương đương 95,8% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này (khoảng 2,9 tỷ USD) ngay khi thực hiện Hiệp định. Các sản phẩm còn lại sẽ được xóa bỏ thuế với lộ trình cắt giảm cuối cùng tối đa vào năm thứ 4.
- Niu-di-lân cam kết xóa bỏ 94,6% số dòng thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực, tương đương 69% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này (khoảng 101 triệu USD). Vào năm thứ 7 kể từ khi thực hiện Hiệp định, các dòng thuế còn lại sẽ dần được xóa bỏ hoàn toàn.
- Xinh-ga-po cam kết xóa bỏ hoàn toàn thuế quan đối với tất cả các mặt hàng ngay khi thực hiện Hiệp định.
- Ma-lai-xi-a cam kết xóa bỏ 84,7% số dòng thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực và xóa bỏ dần có lộ trình đối với các dòng thuế còn lại. Vào năm thứ 11, số dòng thuế cam kết cắt giảm của Ma-lai-xi-a lên tới 99,9%.
- Bru-nây cam kết xóa bỏ 92% số dòng thuế đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam (tương đương 7.639 dòng) ngay khi Hiệp định có hiệu lực, xóa bỏ tới 99,9% vào năm thứ 7 và xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu vào năm thứ 11.

Cam kết của các nước theo một số nhóm hàng

Giày dép

78% kim ngạch xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang Ca-na-đa sẽ được hưởng thuế suất 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực hoặc được hưởng mức cắt giảm 75% so với mức thuế suất hiện tại. Riêng giày da lần đầu tiên được Nhật Bản cam kết trong hiệp định thương mại tự do sẽ được giảm dần đều và xóa bỏ thuế nhập khẩu vào năm thứ 16 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Thuế nhập khẩu giày dép vào Mê-hi-cô và Pê-ru cũng được giảm dần đều và xóa bỏ vào năm thứ 16 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

Thủy sản

Các mặt hàng thủy sản sẽ được hưởng thuế suất 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực khi xuất khẩu sang Ca-na-đa và Nhật Bản. Nhiều mặt hàng thủy sản trước chưa được cam kết xóa bỏ thuế quan trong hiệp định Việt Nam – Nhật Bản và ASEAN – Nhật Bản sẽ được hưởng thuế 0% khi xuất khẩu sang Nhật Bản, trong đó một số loài cá tuyết, surimi, tôm, cua ... sẽ được hưởng thuế suất 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Cá tra, cá basa là mặt hàng thủy sản duy nhất xuất khẩu lớn sang Mê-hi-cô sẽ được hưởng thuế 0% vào năm thứ 3 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

Gạo

Với việc được hưởng thuế suất 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực, gạo sẽ có khả năng tiếp cận và tăng trưởng tại thị trường Ca-na-đa. Mê-hi-cô cũng là thị trường mới, xuất khẩu khoảng 70.000 tấn/năm và sẽ được hưởng thuế 0% vào năm thứ 11 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Riêng gạo xuất khẩu sang Nhật Bản vẫn chịu sự điều chỉnh bởi hạn ngạch thuế quan theo cam kết của Nhật Bản trong WTO. Tuy nhiên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Bộ Nông nghiệp Nhật Bản đã ký Thỏa thuận Hợp tác Phát triển Chuỗi Giá trị Gạo nhằm cải thiện khả năng gạo Việt Nam trúng thầu hạn ngạch thuế quan WTO của Nhật.

Cà phê, chè, hạt tiêu, hạt điều

Các mặt hàng này sẽ được hưởng mức thuế suất 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Riêng Mê-hi-cô xóa bỏ thuế cà phê hạt Robusta vào năm thứ 16 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, cà phê hạt Arabica và cà phê chế biến giảm mức thuế suất 50% so với mức thuế hiện hành vào năm thứ 5 và năm thứ 10 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

Đồ gỗ

Xuất khẩu đồ gỗ nội ngoại thất sang các nước Ca-na-đa, Pê-ru sẽ được hưởng mức thuế suất 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực.

Cam kết thuế nhập khẩu của Việt Nam

Việt Nam cam kết một biểu thuế chung cho tất cả các nước CPTPP. Theo đó, Việt Nam sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 66% số dòng thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực và 86,5% số dòng thuế sau 3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Các mặt hàng còn lại có lộ trình giảm thuế chủ yếu từ 5 đến 10 năm.

Đối với một số mặt hàng đặc biệt nhạy cảm, Việt Nam có lộ trình trên 10 năm, ví dụ như bia, rượu, thịt gà, sắt thép, ô tô con dưới 3.000 phân phối. Việt Nam áp dụng hạn ngạch thuế quan (TRQ) đối với đường, trứng, muối (nằm trong lượng hạn ngạch WTO) và ô tô đã qua sử dụng.

Dệt may

Khác với các hiệp định mà Việt Nam đã ký kết, Hiệp định CPTPP có chương riêng về dệt may. Ngoài việc áp dụng quy định chung như các hàng hóa khác, hàng dệt may có những quy định riêng mang tính đặc thù. Nội dung cam kết về dệt may bao gồm:

- Các quy tắc xuất xứ cụ thể yêu cầu việc sử dụng sợi và vải từ khu vực CPTPP nhằm mục đích thúc đẩy việc thiết lập các chuỗi cung ứng và đầu tư trong khu vực để tăng giá trị của hàng dệt may được sản xuất trong khối.
- Quy định linh hoạt về cơ chế “nguồn cung thiếu hụt” cho phép việc sử dụng một số loại sợi và vải nhất định không có sẵn trong khu vực.
- Các cam kết về hợp tác và thực thi hải quan nhằm ngăn chặn việc trốn thuế, buôn lậu và gian lận thương mại.
- Cơ chế tự vệ đặc biệt đối với hàng dệt may để đối phó với thiệt hại nghiêm trọng hoặc nguy cơ bị thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước trong trường hợp có sự gia tăng đột biến về nhập khẩu (khác với cơ chế tự vệ chung của Hiệp định).

Về mở cửa thị trường hàng dệt may

Hiệp định CPTPP sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với hàng dệt may có xuất xứ từ Việt Nam khi xuất khẩu vào thị trường các nước đối tác (ngay hoặc có lộ trình). Đối với những nước mà Việt Nam chưa có FTA, việc mở cửa thị trường này rất quan trọng, do thuế nhập khẩu áp dụng với hàng dệt may thường cao hơn nhiều so với các mặt hàng công nghiệp khác.

Với thị trường Ca-na-đa, toàn bộ mặt hàng dệt may xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sẽ được xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực hoặc sau 3 năm. 42,9% kim ngạch xuất khẩu vào Ca-na-đa có thuế 0% năm đầu tiên và 57,1% kim ngạch có thuế 0% vào năm thứ 4. Trong khi đó, Nhật Bản sẽ xóa bỏ 98,8% dòng thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực, tương đương với 97,2% kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam sang Nhật Bản. Đối với một số thị trường mà Việt Nam chưa có FTA như Pê-ru và Mê-hi-cô, thuế nhập khẩu của hàng dệt may được xóa bỏ hoàn toàn vào năm thứ 16.

Về quy tắc xuất xứ đối với hàng dệt may

Đối với hàng dệt may, quy tắc xuất xứ được áp dụng là “từ sợi trở đi” hay được gọi quy tắc “3 công đoạn”, nghĩa là toàn bộ quá trình kéo sợi, dệt vải, nhuộm, hoàn tất và may quần áo phải được thực hiện trong nội khối CPTPP. Quy tắc này khuyến khích phát triển chuỗi cung ứng ngành công nghiệp dệt may theo ngành dọc, khuyến khích đầu tư phát triển ngành sợi, vải, tạo cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng trong nội khối CPTPP.

So với các FTA trước đây mà Việt Nam đã ký kết, đây là quy tắc đưa ra yêu cầu ở mức cao. Tuy nhiên, các thành viên cũng thống nhất một số trường hợp có quy tắc xuất xứ mang tính linh hoạt hơn như:

- 3 nhóm hàng may mặc được áp dụng quy tắc xuất xứ 1 công đoạn, cắt và may, gồm vali, túi xách, áo ngực phụ nữ, quần áo trẻ em bằng sợi tổng hợp;
- Danh mục nguồn cung thiếu hụt gồm 194 loại sợi, vải được phép sử dụng từ ngoài khu vực CPTPP, trong đó 186 mặt hàng sẽ được áp dụng vĩnh viễn và 8 mặt hàng chỉ được áp dụng cơ chế này trong vòng 5 năm.

Quy tắc xuất xứ

Hiệp định quy định 3 phương pháp để xác định xuất xứ của một hàng hóa, bao gồm: (i) hàng hóa có xuất xứ thuần túy; (ii) hàng hóa được sản xuất từ nguyên liệu trong khu vực CPTPP; và (iii) quy tắc cụ thể đối với từng mặt hàng (PSR).

Bên cạnh đó, quy tắc cộng gộp cho phép các nước CPTPP được coi nguyên liệu của một hoặc nhiều nước CPTPP khác như là nguyên liệu của nước mình khi sử dụng nguyên liệu đó để sản xuất ra một hàng hóa có xuất xứ CPTPP.

Thủ tục chứng nhận xuất xứ

Với mục tiêu tạo thuận lợi thương mại tối đa, giảm thời gian giao dịch và chi phí xuất nhập khẩu, Hiệp định CPTPP đã cho phép người xuất khẩu, người sản xuất và người nhập khẩu được tự chứng nhận xuất xứ. Đây là điểm rất mới so với các FTA truyền thống trước đây mà Việt Nam đã ký kết.

Đối với Việt Nam, do hình thức tự chứng nhận xuất xứ còn khá mới mẻ, chưa được triển khai toàn diện và đại trà nên ta được áp dụng một số thời gian chuyển đổi nhằm mục đích tạo cơ hội cho các doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước quen dần với hình thức này. Một số quy định về thời gian chuyển đổi bao gồm:

- *Đối với hàng nhập khẩu:* Việt Nam được bảo lưu chỉ áp dụng hình thức nhà nhập khẩu tự chứng nhận xuất xứ sau 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

- *Đối với hàng xuất khẩu:* ta được linh hoạt áp dụng song song 2 hình thức: (a) cấp chứng nhận xuất xứ (C/O) theo kiểu truyền thống; và (b) người xuất khẩu đủ điều kiện được tự chứng nhận xuất xứ trong thời gian tối đa 10 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Sau thời gian 10 năm này, Việt Nam sẽ áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hoàn toàn như tất cả các nước CPTPP.

Quy định về De Minimis

De Minimis là gì và tại sao cần có De Minimis

Cùng với tiến trình mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) đồng nghĩa với việc thuế quan giảm dần và tiến tới xóa bỏ hoàn toàn với hầu hết hàng hóa sản phẩm nhập khẩu. Do có sự chênh lệch rất lớn giữa thuế suất MFN và thuế suất ưu đãi FTA nên tất cả FTA đều xây dựng bộ quy tắc xuất xứ hàng hóa để đảm bảo đúng hàng hóa có xuất xứ tại nước thành viên FTA mới được hưởng ưu đãi thuế quan, tránh trường hợp các nước không tham gia Hiệp định được hưởng lợi miễn phí.

Đối với hàng hóa được gia công, chế biến, thông thường có hai tiêu chí cơ bản để xác định hàng hóa có xuất xứ là tiêu chí *Chuyển đổi mã số hàng hóa* (CTC - Change in Tariff Classification) và tiêu chí *Hàm lượng giá trị khu vực* (RVC – Regional Value Content). Hai tiêu chí này thể hiện việc nguyên liệu không có xuất xứ, sau khi trải qua chuyển đổi cơ bản trong quá trình gia công, chế biến trở thành hàng hóa có xuất xứ. Theo tiêu chí CTC, để hàng hóa được coi là có xuất xứ, các nguyên liệu không có xuất xứ được phân loại ở Chương, Nhóm hoặc Phân nhóm trong Hệ thống Hải hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS) phải có mã HS khác với mã HS của sản phẩm cuối cùng. Ví dụ: Tiêu chí xuất xứ áp dụng cho mặt hàng quần áo tại một số FTA là *Chuyển đổi Chương* (CC – Change in Chapter). Quy định này có nghĩa là mã HS của nguyên liệu (vải, phụ liệu, phụ kiện,...) nhập khẩu bên ngoài khối FTA phải được phân loại khác với mã HS của sản phẩm quần áo ở cấp độ 2 số (cấp độ Chương).

Thực tế, trong nhiều trường hợp chỉ một lượng rất nhỏ nguyên liệu không đáp ứng quy tắc xuất xứ sẽ khiến hàng hóa không được coi là có xuất xứ và không được hưởng ưu đãi thuế quan. Ví dụ, theo quy tắc xuất xứ tại Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN và Hàn Quốc (AKFTA), với mặt hàng áo jacket (mã HS 6201) có tiêu chí xuất xứ “CC, với điều kiện sản phẩm được cắt và khâu tại lãnh thổ của bất kỳ nước thành viên nào; hoặc RVC 40%”. Trong trường hợp doanh nghiệp sử dụng tiêu chí “CC, với điều kiện sản phẩm được cắt và khâu tại bất kỳ nước thành viên nào”, nếu đệm vai (mã HS 6217) nhập khẩu từ Trung Quốc, áo jacket không đáp ứng tiêu chí CC do đệm vai được phân loại cùng Chương 62 với sản phẩm cuối cùng.

Vì vậy, trong các FTA, các nước tham gia đàm phán thường đưa ra quy định về tỷ lệ “*linh hoạt*” tối đa cho phép sử dụng một lượng nhỏ nguyên liệu không có xuất xứ và không đáp ứng tiêu chí CTC để sản xuất và hàng hóa vẫn được coi là có xuất xứ. Tỷ lệ này gọi tắt là “*De Minimis*” (thuật ngữ gốc La- tinh), được gọi là tỷ lệ không đáng kể nguyên liệu không trải qua quá trình chuyển đổi mã số hàng hóa nhưng vẫn được coi là có xuất xứ. Quy định này được các nước tham gia đàm phán đưa vào với mục đích giảm bớt khó khăn trong việc đáp ứng tiêu chí xuất xứ CTC và đa dạng hóa được hưởng thuế quan ưu đãi trong các FTA.

De Minimis áp dụng thế nào

De Minimis được áp dụng cho hàng hóa xác định xuất xứ theo tiêu chí CTC, không áp dụng với tiêu chí RVC. Đối với hàng hóa nói chung, tỷ lệ *De Minimis* tại hầu hết các FTA không vượt quá 10% trị giá FOB của hàng hóa. Tỷ lệ 10% được gọi là ngưỡng *De Minimis*. Ví dụ, trong 100 USD trị giá FOB của hàng hóa xuất khẩu thì cho phép “*linh hoạt*” sử dụng nhiều nhất 10 USD nguyên liệu không có xuất xứ không đạt tiêu chí CTC để sản xuất ra hàng hóa đó.

Các cam kết khác nhau có quy định *De Minimis* khác nhau. *De Minimis* có thể tính trên cơ sở trị giá FOB tại các FTA của ASEAN hoặc giá xuất xưởng (giá Exworks-EXW) theo Chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) hoặc FTA giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA). Tùy theo mặt hàng, tỷ lệ *De Minimis* có thể chỉ được phép tối đa 7% (hàng nông nghiệp chế biến trong AJCEP, VJEPA) hoặc nhiều nhất 5% (hàng linh kiện, phụ tùng xe ô tô trong CPTPP).

Riêng đối với các sản phẩm dệt may phân loại từ Chương 50 đến Chương 63, theo cam kết của các FTA đa phương, *De Minimis* được tính theo trọng lượng của hàng hóa xuất khẩu, không tính theo trị giá với lý do một số nguyên phụ liệu dệt may có trọng lượng rất nhỏ nhưng chiếm giá trị phần lớn của sản phẩm. Theo đó, nhà sản xuất được phép “*linh hoạt*” sử dụng nguyên liệu nhập khẩu ngoài khối FTA để sản xuất hàng dệt may với điều kiện nguyên liệu này có trọng lượng không vượt quá 10% trọng lượng hàng hóa xuất khẩu. Trong ví dụ với áo jacket nêu trên, nhà sản xuất có thể “*linh hoạt*” sử dụng đệm vai nhập khẩu từ Trung Quốc nếu đệm vai có trọng lượng tối đa 50 gam so với trọng lượng 500 gam của áo jacket.

Hiệp định CPTPP có quy định về tỷ lệ ngưỡng *De Minimis* tương đối phức tạp hơn so với các FTA khác. Ví dụ, tiêu chí xuất xứ trong CPTPP đối với áo jacket nam (mã HS 6201.12) là “CC, ngoại trừ từ nhóm 52.04 đến nhóm 52.12,...”.[1]. Tiêu chí này nghĩa là (1) mã HS của nguyên phụ liệu không có xuất xứ dùng để may áo jacket phải khác chương với mã HS của sản phẩm (chương 62) và (2) nếu mã HS của nguyên phụ liệu dệt may thuộc nhóm 52.04 đến nhóm 52.12 thì bắt buộc phải có xuất xứ. Giả sử vải chính thuộc nhóm 52.08 dùng để may áo jacket nam, vải này phải có xuất xứ

CPTPP để đáp ứng quy tắc nêu trên. Trường hợp vải không có xuất xứ do được dệt từ sợi tổng hợp filament thuộc nhóm 5406 nhập khẩu bên ngoài CPTPP, *De Minimis* trong CPTPP cho phép vải (mã HS 52.08) vẫn có xuất xứ nếu chỉ “*linh hoạt*” sử dụng một lượng nhỏ sợi filament (mã HS 54.06), chiếm không quá 10% trọng lượng của vải. Trong trường hợp như vậy, áo jacket vẫn được coi là có xuất xứ và được hưởng ưu đãi thuế quan do sợi filament chiếm không quá 10% trọng lượng của vải, là thành phần quyết định phân loại mã số hàng hóa của áo jacket.

Rào cản thương mại

Chi-lê có rất ít rào cản nhập khẩu hay đầu tư, cho phép các công ty nước ngoài nhận

được sự bảo hộ như nhau và hoạt động theo cùng điều kiện với công ty địa phương. Tuy nhiên có một số ngoại lệ trong nông nghiệp. Ví dụ, Chi-lê chấp nhận kết quả kiểm tra tương đương giữa các hệ thống kiểm định đối với một số sản phẩm, như gia cầm, tuy nhiên trong một số lĩnh vực như thực phẩm vật nuôi các công ty xuất khẩu vẫn phải chịu sự kiểm định của Bộ Nông nghiệp Chi-lê. Nhiều hạn chế với trái cây tươi nhập khẩu cũng đã được gỡ bỏ. Nhà xuất khẩu nên liên hệ Bộ Nông nghiệp Department of Agriculture/APHIS để biết các hạn chế trước khi xuất khẩu đến Chi-lê.

Chi-lê chỉ chấp thuận thực phẩm đã qua chế biến theo từng trường hợp cụ thể. Để nhập khẩu sản phẩm cần kiểm định, nhà nhập khẩu nên được chứng nhận từ Phòng Dịch vụ Sức khỏe tại cảng nhập khẩu. Chi-lê có xu hướng theo các chứng nhận tùy chọn như Codex Alimentarius.

Yêu cầu và chứng từ nhập khẩu

Chứng từ thương mại dùng bởi nhà nhập khẩu và xuất khẩu thường là hóa đơn thương mại, giấy chứng nhận xuất xứ C/O, vận đơn, bảo hiểm và bản đóng gói hàng hóa PL. Các loại giấy tờ đặc biệt như giấy phép, chứng nhận và các hồ sơ chấp thuận như chứng nhận kiểm dịch thực vật sẽ cần cho hầu hết các sản phẩm nông nghiệp và một số trường hợp sản phẩm công nghiệp. Tùy vào tính chất sản phẩm, các chứng nhận này có thể được cấp bởi các cơ quan khác nhau. Về yêu cầu cụ thể có thể xem tại trang web của Tổ chức Kiểm dịch Động thực vật (SAG), www.sag.cl hoặc liên hệ thương vụ Việt Nam tại Chi-lê: cl@moit.gov.vn; vietradeinchi-le@gmail.com Website: www.viettradeinchi-le.gov.vn

Tạm nhập

Các mặt hàng tạm nhập để tham gia triển lãm và trưng bày tạm thời phải được chính phủ Chi-lê chấp thuận và sẽ không phải trả thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng (VAT).

Đối với mặt hàng nhập khẩu tham gia triển lãm được chính phủ Chi-lê chấp thuận thì có thể để lại Chi-lê trong vòng 6 tháng nhưng phải được cất giữ trong kho.

Các mặt hàng nhập khẩu cho mục đích trưng bày tạm thời phải được người sử dụng cuối cùng là cư dân Chi-lê hoặc người mua tiềm năng xin giấy chứng nhận tạm nhập từ cơ quan hải quan Chi-lê và được tính thuế trên số ngày thực tế ở Chi-lê.

Bao bì, nhãn mác

Các mặt hàng nhập khẩu thông thường tiêu thụ rộng rãi tại Chi-lê phải được ghi nước xuất xứ trên bao gói nhãn mác sản phẩm trước khi đem bán. Các mặt hàng phải được ghi kí mã hiệu thể hiện chất lượng, vệ sinh, nguyên liệu hoặc sự pha trộn, trọng lượng tịnh hoặc phương pháp phân lượng.

Luật bao bì thực phẩm 2015 qui định nhãn bao bì phải bằng tiếng Tây Ban Nha. Kích cỡ và trọng lượng phải được chuyển đổi theo hệ mét.

Chi-lê có yêu cầu chung đối với bao bì cho sản phẩm nhập khẩu, quan trọng nhất là

tiếng Tây Ban Nha và hệ mét. Hàng tiêu dùng cũng cần thể hiện xuất xứ của quốc gia trước khi được bán vào Chi-lê. Hàng đóng gói cần được ghi nhãn về chất lượng, độ thuần khiết, nguyên liệu hay thành phần, trọng lượng tịnh hoặc trọng lượng thành phần. Có nhiều yêu cầu đặc trưng đối với sản phẩm đóng gói, giày dép, thực phẩm, thiết bị điện tử, chất lỏng và thiết bị khí gas nén (LNG và CNG), nhựa, rượu và đồ uống có cồn, hàng dệt may, bột lúa mì, chất tẩy rửa và thuốc trừ sâu dùng cho mục đích nông nghiệp.

Sản phẩm đóng hộp nhập khẩu vào Chi-lê cũng phải có nhãn tiếng Tây Ban Nha ghi thành phần, bao gồm cả phụ gia, ngày sản xuất và ngày tới hạn của sản phẩm, và tên của nhà nhập khẩu hay sản xuất. Kích cỡ và trọng lượng của thành phần tịnh phải được đổi qua hệ mét. Sản phẩm không đáp ứng các yêu cầu này sẽ được nhập khẩu nhưng không bán cho người tiêu dùng cho đến khi đã chuyển dịch xong. Do điều này mà sản phẩm thực phẩm đã dán nhãn, bao bì tiếng Anh lại phải dán nhãn, bao bì lại tại Chi-lê trước khi được bán ra. Về yêu cầu đối với bao bì thực phẩm tại Chi-lê, xem thêm Qui định nhập khẩu thực phẩm và nông nghiệp của Dịch vụ Nông nghiệp nước ngoài tại www.usdachile.cl.

Hôm 26 tháng Sáu năm 2015, Bộ Y tế đã công bố bổ sung qui định cho Luật 20606 điều chỉnh về bao bì của thành phần dinh dưỡng của thực phẩm, Nghị định 13, 2015. Nghị định điều chỉnh sản phẩm thực phẩm có thể được tiêu dùng bởi trẻ em dưới 14 tuổi nếu vượt mức hạn chế về sodium, đường, năng lượng (calories) và chất béo bão hòa theo bảng bên dưới.

Hạn chế với thực phẩm dạng rắn. Giá trị lớn hơn hoặc bằng:	Năng lượng Kcal/100g	Sodium (mg/100g)	Tổng lượng đường (g/100g)	Chất béo bão hòa (g/100g)
	275			4
Hạn chế với thực phẩm dạng lỏng. Giá trị lớn hơn hoặc bằng:	Năng lượng Kcal/100 ml	Sodium mg/100 ml	Tổng đường g/100 ml	Chất béo bão hòa g/100 ml
	70	100	5	3

Sản phẩm thực phẩm vượt hạn mức sẽ cần được dán nhãn đen có dấu ngừng lại (stop) với câu “Giàu muối, đường, năng lượng hay chất béo bão hòa” tùy theo thành phần nào cao. Cứ mỗi thành phần kể trên vượt quá hạn mức sẽ cần một dấu stop.

Luật cũng qui định sản phẩm có một hay nhiều dấu stop sẽ không được:

- + Sản phẩm sẽ không được bán, tiếp thị, quảng bá, hay quảng cáo trong khuôn viên nhà trẻ, trường tiểu học hoặc cấp 2-3.
- + Sản phẩm sẽ không được quảng cáo trên phương tiện truyền thông hướng đến trẻ em dưới 14 tuổi, như posters, ấn phẩm in, điểm bán hàng, hay sách giáo khoa, cũng như trên TV, radio, internet, tạp chí, hay trong không gian quảng cáo gần với



nơi mà khán giả có thể có nhiều hơn hoặc bằng 20% là trẻ em dưới 14 tuổi.

- + Sản phẩm sẽ không được phát rộng rãi cho trẻ em dưới 14 tuổi hoặc dùng các công cụ thương mại gắn với cộng đồng này như đồ chơi, vật dụng, sticker hoặc các dạng khuyến mãi tương tự.

Có một số sản phẩm được loại trừ khỏi Quy định này, đó là:

- + Sản phẩm thực phẩm chưa được cho thêm các chất trên vào (sản phẩm tự nhiên)
- + Thực phẩm được bán dạng lô, sau đó sẽ được cắt ra, chia nhỏ ra hoặc chế biến cho cộng đồng, tuy rằng được đóng gói chung vào thời điểm trước đó.
- + Thực phẩm dùng cho mục đích ăn kiêng đặc biệt, như thức ăn theo thực đơn đặc biệt cho trẻ sơ sinh, thức ăn thương mại cho trẻ em, thức ăn cho mục đích y tế hoặc cho việc kiểm soát trọng lượng.
- + Thành phần dinh dưỡng và thực phẩm cho vận động viên.
- + Thực phẩm và chế phẩm được đóng gói để sau đó bán theo bộ phận.

Mục tiêu của việc hạn chế này trong 3 năm là nhằm khuyến khích nhà sản xuất to cải tiến sản phẩm (ví dụ giảm chất béo, đường, thành phần sodium). Nghị định sẽ có hiệu lực theo như bảng bên dưới.

• **Sản phẩm rắn:**

Dinh dưỡng hay năng lượng	Ngày hiệu lực	24 tháng sau ngày hiệu lực	36 tháng sau ngày hiệu lực
Năng lượng (Kcal/100g)	350	300	275
Sodium (Mg/100g)	800	500	400
Tổng đường (g/100g)	22.5	15	10
Chất béo bão hòa (g/100g)	6	5	4

• **Sản phẩm lỏng:**

Chất dinh dưỡng hay năng lượng	Ngày hiệu lực	24 tháng sau ngày hiệu lực	36 tháng sau ngày hiệu lực
Năng lượng (Kcal/100 ml)	100	80	70
Sodium (Mg/100 ml)	100	100	100
Total sugar (g/100 ml)	6	5	5
Chất béo bão hòa (g/100 ml)	3	3	3

Chương 6: Môi trường đầu tư

Những lĩnh vực mở cửa và hạn chế đầu tư nước ngoài

- **Quan điểm đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài**

Trong 3 thập kỉ, Chi-lê đã biến vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thành một phần quan trọng trong chiến lược phát triển quốc gia.

Chính sách hợp lí, hướng thị trường của Chi-lê đã tạo nhiều cơ hội cho nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào tiến trình phát triển kinh tế. Môi trường kinh doanh của Chi-lê thường trực tính và minh bạch. Nhà đầu tư nước ngoài được đối đãi tương tự như nhà đầu tư Chi-lê, và không có chính sách hay chiến lược kinh tế/ ngành nào có hiệu ứng phân biệt đối xử đối với nhà đầu tư. Một sự hậu thuẫn về mặt chính trị đồng nghĩa với việc tuy vẫn còn nhiều vấn đề về mặt khung chính sách cần phải sửa đổi, đường hướng thuận lợi/mang tính ủng hộ trong các chính sách của Chi-lê đối với FDI sẽ không có nhiều thay đổi trong thời gian tới.

- **Nguồn tài liệu giới thiệu về chính sách đầu tư của Chi-lê**

Mấy năm qua chính phủ Chi-lê không tiến hành cập nhật số liệu về đầu tư trên các trang OECD và WTO nên nguồn tài liệu trên các trang này tương đối cũ.

- + **Trên trang OECD:**

- <http://www.oecd.org/investment/countryreviews.htm>

- <http://www.oecd.org/daf/inv/investment-policy/34384328.pdf>

- + **Trên trang của WTO:**

- http://www.wto.org/english/tratop_e/tpr_e/tpr_e.htm

- https://www.wto.org/english/tratop_e/tpr_e/tp320_e.htm

Trong năm 2013, Ủy ban đầu tư nước ngoài Chi-lê (FIC) đã hợp đồng với công ty tư vấn SCL Econometrics để cung cấp một báo cáo phân tích FDI của Chi-lê.

Báo cáo đã cung cấp nhiều thông tin về các ảnh hưởng của FDI đối với Chi-lê:

<http://www.ciechile.gob.cl/wp-content/uploads/2010/10/estudio%20impacto%20de%20la%20ied%20en%20la%20economia%20chilena.pdf>

Luật/ Qui định về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

FDI tại Chi-lê được điều chỉnh bởi Nghị định qui chế đầu tư nước ngoài 600 (DL600) hoặc chương XIV của Trích yếu Qui định trao đổi ngoại hối Ngân hàng Trung ương (CFER). Khoản đầu tư tối thiểu theo DL600 là 5.000.000 USD hoặc 2.500.000 USD trong trường hợp vốn hóa tài sản cố định, kĩ thuật, các khoản nợ, và tái đầu tư lợi nhuận. Giá trị FDI thấp hơn những mức này nhưng trên 10.000 USD được thực hiện theo Chương XIV của CFER của Ngân hàng Trung ương.

Theo Nghị định DL600, một khi nhà đầu tư nước ngoài kí hợp đồng với Chính quyền nước Chi-lê (GOC) sẽ tạo thành điều khoản đầu tư. Những quy tắc chung, kì hạn, lãi suất, những phương thức khác của hợp đồng tín dụng nước ngoài cũng như những chi phí phát sinh thêm do bên vay thanh toán ví dụ như phí hoa hồng và thuế cũng phải được xác nhận bởi Ngân hàng Nhà nước Chi-lê. Nghị định DL600 cho phép tăng vốn đầu tư trong trường hợp nhất định. Lợi ích chính khi đầu tư theo Nghị định DL600 quy định đó là quyền chọn để cố định mức thuế thu nhập chịu thuế không đổi trong vòng 10 năm (mức này khoảng 42% trong 2014).

Ủy ban đầu tư nước ngoài Chi-lê (FIC), cơ quan chịu trách nhiệm quản trị DL600, thiết lập điều khoản và điều kiện của vốn đầu tư thực hiện theo DL600. Hồ sơ thường được chấp thuận trong vài ngày và hầu hết trong vòng một tháng. Thẩm quyền của FIC từ chối đầu tư nước ngoài bị hạn chế bởi Hiến pháp Chi-lê. Quyết định của FIC sẽ có thể được xem xét lại.

Nhà đầu tư có thể lựa chọn việc sử dụng DL600 hay không. Một nhà đầu tư đủ điều kiện có thể chọn thực hiện theo Chương XIV của qui định của Ngân hàng Trung ương nếu mong muốn như vậy. Chương XIV qui định những vấn đề điều chỉnh những hoạt động ngoại hối liên quan đến tín dụng, tài khoản, đầu tư, và đóng góp vốn (tiền có nguồn gốc nước ngoài). Đầu tư thực hiện theo Chương XIV không liên quan đến việc kí hợp đồng với nhà nước Chi-lê. Thay vào đó, Ngân hàng Trung ương cấp ủy quyền cho cho một số vốn đầu tư nhất định. FDI thực hiện theo chương XIV phải thực hiện bằng một loại ngoại tệ và không chứa quyền đặc biệt nào cho nhà đầu tư, như quyền tiếp cận mức thuế ưu đãi nào. Nhà đầu tư phải thông báo cho Ngân hàng Trung ương Chi-lê khoản đầu tư, thông qua một ngân hàng thương mại hoặc một cơ quan tài chính được ủy quyền. FDI có giá trị ít hơn 10.000 USD không cần chấp thuận của Ngân hàng Trung ương.

Độ mở và tính minh bạch của Chi-lê đối với FDI được thể hiện tập trung trong DL600. Luật là qui chuẩn cho hoạt động FDI tại Chi-lê trong 40 năm qua. Tuy nhiên, cải cách thuế mới nhất, được thông qua bởi Quốc hội Chi-lê trong năm 2014 đã thay thế luật này và sẽ có hiệu lực từ 1/1/2016. Dự luật sẽ thay thế DL 600 và tạo Khung pháp lí mới cho đầu tư nước ngoài. Luật đã được chấp thuận hồi tháng Tư 2015.

Ngày 16/6/2015, Tổng thống Chi-lê Michelle Bachelet đã ký ban hành Luật Đầu tư của nước ngoài mới trong nỗ lực thu hút hiệu quả nguồn vốn đầu tư của các doanh nhân và tập đoàn nước ngoài.

Theo bà Bachelet, luật mới này thay cho Luật Đầu tư được ban hành từ năm 1974, cho phép thiết lập một khung pháp lý hiện đại và được cập nhật theo tình hình hiện nay với mục đích thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

Bà nhấn mạnh đây là lần đầu tiên trong lịch sử, Chi-lê có một chính sách quốc gia thu hút đầu tư nước ngoài kết hợp với chính sách kinh tế hướng tới phát triển toàn diện và bền vững.

Luật mới nói trên quy định nguyên tắc áp dụng cho các nhà đầu tư nước ngoài, không có sự phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư trong nước và ngoài nước trong vấn đề thuế và nhập khẩu nguyên liệu.

Luật mới sẽ được áp dụng từng bước trong vòng 4 năm để không ảnh hưởng tới các

nhà đầu tư nước ngoài đã làm ăn từ trước ở Chi-lê theo luật cũ. Luật này cũng cho phép tập trung thu hút đầu tư vào những lĩnh vực và khu vực mà Chính phủ muốn phát triển, cũng như cho phép phân bổ lợi nhuận của các dự án đầu tư tới người dân

Khung pháp lí mới sẽ đảm bảo nhà đầu tư nước ngoài thực thi quyền và nghĩa vụ của hợp đồng kí theo DL 600. Cơ chế mới đảm bảo nhiều biện pháp, như tiếp cận thị trường ngoại hối (chuyển vốn và thu nhập); cấm phân biệt mua bán vòng tròn; và miễn trừ thuế (doanh thu, dịch vụ) khi nhập khẩu hàng hóa vốn. Một quyền tối cao cho phép nhà đầu tư nước ngoài được chọn cơ quan đầu tư tương tự như Điều 3 của DL 600, và được mức thuế không biến động 44,5% trong 4 năm. Tuy nhiên, trong thời gian 10 năm mà DL 600 cho phép sẽ không thực hiện cơ chế thuế không biến động. Đạo luật cũng tạo cơ chế mới để thu hút FDI. Cơ chế này có bao gồm Hội đồng Bộ trưởng và cơ quan Xúc tiến Đầu tư.

Trong năm 2002, chính phủ Chi-lê tiến hành Dự án Sáng kiến sản đầu tư (“the Initiative”) nhằm thu hút các công ty Nam Mỹ lớn dời trụ sở đến Chi-lê. Theo Initiative, một công ty có đủ tư cách có thể được hưởng lợi từ nhiều sáng kiến, bao gồm cả việc miễn trừ thuế cho cổ đông nước ngoài đủ tiêu chuẩn.

Xúc tiến công nghiệp

Chính phủ Chi-lê mong muốn thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp và khai khoáng thông qua cơ chế thuế. Ví dụ, tùy theo có được chấp thuận hay không, theo từng trường hợp bởi Ủy ban Đầu tư Nước ngoài, một nhà đầu tư nước ngoài có thể được áp dụng mức thuế không biến động (42% trong năm 2013) trong vòng 4 năm.

Thông tin thêm về đầu tư vào các ngành công nghiệp phát triển và khai thác, xem thêm DL600, http://unctad.org/sections/dite_dir/docs/wir2013/wir13_fs_cl_en.pdf

Ấn phẩm “Hướng dẫn cho nhà đầu tư nước ngoài” “Foreign Investor Guide” cung cấp thông tin về ưu đãi thuế và đầu tư nước ngoài: http://www.ciechile.gob.cl/wp-content/uploads/2010/10/Foreign_Investors_Guide_in_Chile.pdf

Hạn chế kiểm soát nước ngoài

Không có giới hạn quyền sở hữu nước ngoài hoặc việc kiểm soát doanh nghiệp hay tài sản tại Chi-lê.

Về hạn chế đối với nhà đầu tư, xin tham khảo phần “Quyền sở hữu và thành lập doanh nghiệp” bên dưới.

Nhiều loại hình dự án đầu tư vượt khỏi tầm thẩm quyền của FIC và Ngân hàng Trung ương. Không có hạn chế đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực viễn thông, nhưng nhà đầu tư cần xin giấy phép, và số lượng giấy phép có hiệu lực bị hạn chế tại nhiều ngành, lĩnh vực mới của ngành. Yêu cầu để được cấp giấy phép trong lĩnh vực viễn thông không rõ ràng lắm và thỉnh thoảng có trường hợp bị trì hoãn. Dự án trong lĩnh vực khai khoáng đồng thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban Đồng Chi-lê; đầu tư trong ngành đánh bắt cá cần sự chấp thuận của Thứ trưởng Bộ đánh bắt cá; hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng cần xin phép Cơ quan điều hành Viện tài chính và ngân hàng; và

Ủy Ban chứng khoán sẽ cấp phép cho dự án bảo hiểm và đầu tư. Ngoài ra cũng cần xin phép thêm Quỹ hưu trí và các cơ quan bảo hiểm tư nhân để tham gia vào lĩnh vực này. Đối với các dự án có ảnh hưởng đến môi trường, cần xin phép thêm Dịch vụ đánh giá môi trường, một dịch vụ không thuộc Trung ương, có liên quan nhưng độc lập với Bộ Môi trường. Chi-lê có hạn chế vì vấn đề an ninh quốc gia đối với các khoản đầu tư vào năng lượng nguyên tử, quốc phòng, vận tải đường biển, bất động sản, và khai khoáng. Lợi nhuận giữ lại, rút ra hay phân bổ cho nhà đầu tư nước ngoài chịu thuế chuyển lợi nhuận về nước. Cổ tức trả cho nhà đầu tư nước ngoài chịu mức thuế 35%.

Sàng lọc dự án FDI

FDI sẽ được sàng lọc lâm sàng bởi FIC. Các doanh nghiệp được hỏi nhìn chung không cho rằng cơ chế sàng lọc này là rào cản với đầu tư, do qui trình chấp thuận rất nhanh chóng cũng có bao gồm nhiều ngoại lệ. Về tập quán, ứng dụng và qui trình chấp thuận đầu tư theo DL 600 mất khoảng 20 ngày.

Luật yêu cầu FIC chấp thuận các đề xuất đầu tư. Sự chấp thuận của FIC là bắt buộc với các dự án trên 5 triệu USD hoặc đầu tư vào nhiều lĩnh vực theo qui định, bao gồm cả viễn thông và dịch vụ công, đầu tư bởi chính phủ nước ngoài hay cơ quan công nước ngoài.

Luật cạnh tranh

Nhà đầu tư cần xem xét kỹ qui định trước khi đầu tư. Luật chống độc quyền của Chi-lê, Đạo luật cạnh tranh tự do Chi-lê (1973), cấm các biện pháp mua lại và sáp nhập ngăn cản cạnh tranh tự do trong ngành. Một nhà đầu tư cần tìm một chỉ dẫn có tính pháp lí từ Tòa chống độc quyền rằng khoản đầu tư của nhà đầu tư đó không có xu hướng độc quyền.

Khuynh hướng đầu tư

Chi-lê gần đây có chiều hướng giảm cả về dòng chảy FDI và đầu tư trong nước. FDI vào quốc gia này giảm 29% trong năm 2013 (so với 2012), tuy nhiên được tiếp thêm động lực trong những năm sau, tăng 14% trong năm 2014 (so với 2013). Số liệu thống kê từ Ngân hàng Trung ương Chile (BCC) cho thấy có 4 quý liên tục giảm về đầu tư trong nước. Năm 2014 thu hút đầu tư trong nước giảm 6,1% so với 2013. Hầu hết các nhà phân tích cho rằng khuynh hướng này chủ yếu do giảm đầu tư vào ngành khai khoáng do giá đồng thế giới giảm.

Cạnh tranh từ doanh nghiệp Nhà nước

Chi-lê có rất ít doanh nghiệp Nhà nước (SOE), đa số đã được tư nhân hóa từ sau cải cách của chính phủ quân đội giai đoạn 1974–1989. Các công ty nhà nước đáng ghi nhận có công ty đồng quốc gia CODELCO; công ty xăng dầu quốc gia ENAP; hệ thống bưu chính quốc gia Correos de Chile; và ngân hàng Nhà nước Banco Estado.

Nhìn chung doanh nghiệp tư nhân được cho phép cạnh tranh công bằng với doanh

nghiệp công trên nhiều mặt. Tuy nhiên, có một số lĩnh vực nhạy cảm mà các công ty Nhà nước hưởng ưu thế. Ví dụ, ENAP là công ty lọc dầu duy nhất tại Chi-lê. Các công ty Nhà nước cũng quan tâm chi tiền cho nghiên cứu và phát triển như các công ty tư nhân.

Hầu hết các công ty nhà nước tại Chi-lê được có cấu trúc như sau: giám đốc công ty báo cáo cho một hội đồng giám đốc, bao gồm cả những bộ trưởng có liên quan (ví dụ, Bộ trưởng Bộ Khai khoáng cũng có chân trong ban giám đốc của ENAP). Hầu hết các thành viên Ban giám đốc là những đại diện độc lập trong lĩnh vực tư nhân và học thuật, hoặc từ công đoàn/ngành đoàn của ngành. Các thành viên thường được phân công bởi Tổng thống Chi-lê.

Chi-lê đã thông qua luật trong tháng Mười 2009 sửa đổi bổ sung cấu trúc quản trị doanh nghiệp của CODELCO. Luật bỏ ra khỏi Ban giám đốc các Bộ trưởng Tài chính, Khai khoáng và một đại diện của quân đội. Luật cũng mở rộng ban giám đốc thành 9 thành viên, 3 trong số này được phân bổ bởi Thủ tướng Chi-lê, hai trong số này được chỉ định bởi công đoàn CODELCO và được sự chấp thuận của Thủ tướng, 4 trong số này được chỉ định bởi Consejo de Alta Dirección Pública (ủy ban độc lập của Chile thực hiện các dịch vụ dân sự cấp cao) và sau đó cũng được chấp thuận bởi Thủ tướng Chi-lê.

Các công ty Nhà nước cũng chịu mức thuế và chính sách giảm giá tương tự như các công ty tư nhân.

Hướng dẫn của OECD về quản trị của các công ty nhà nước

Theo ấn phẩm năm 2014 của World Bank "Quản trị doanh nghiệp của các công ty nhà nước (SOE) tại Mỹ Latinh: khuynh hướng hiện tại và case study theo quốc gia", Chi-lê đang tiên hành nhiều công đoạn để cải thiện quản trị doanh nghiệp tại các doanh nghiệp Nhà nước. Trong năm 2001, Sistema de Empresas Públicas (SEP) đã được hình thành. SEP là một cơ quan tư vấn, với thẩm quyền quản lý trung tâm đối với các Doanh nghiệp Nhà nước (SOE). SEP được quản lý bởi hội đồng quản trị 9 thành viên, những thành viên này được chỉ định bởi Tổng thống, các Bộ trưởng Tài chính, Kinh tế và CEO của CORFO. Trong số 33 công ty Nhà nước có quan hệ với chính quyền Trung ương, SEP thúc đẩy quyền sở hữu và nghĩa vụ liên quan đến kiểm soát và giám sát 23 công ty trong số đó. Vai trò chính của SEP bao gồm chỉ định các giám đốc SOE, chấp thuận các kế hoạch chiến lược, thiết lập mục tiêu thường niên, và kiểm soát sự quản trị của các SOE dưới sự giám sát của các công ty này. Một số công ty Nhà nước Chi-lê (bao gồm CODELCO, ENAP và Banco del Estado de Chile) không thuộc sự quản lý và giám sát của SEP, hoạt động một cách tương đối độc lập. Nhiều công ty trong số này có khung luật riêng và gắn kết với chính phủ thông qua các bộ quản lý lĩnh vực. Báo cáo của WB tại :

<http://documents.worldbank.org/curated/en/2014/07/20183864/corporate-governance-state-owned-enterprises-latin-america-current-trends-country-cases>

Là thành viên của OECD, Chi-lê tuân thủ qui định của OECD về quản trị doanh nghiệp. Theo ấn phẩm 2014 của WB, Chi-lê có nhiều tiến bộ trong việc hài hòa hóa các tiêu chuẩn của các công ty nhà nước trong công bố thông tin, kế toán và kiểm

toán. Mỗi công ty Nhà nước SOE nộp một báo cáo thường niên và có nghĩa vụ công bố báo cáo quản trị theo quý. Mọi công ty Nhà nước (SOE) đều cần có kiểm toán nội bộ và được kiểm toán độc lập thường niên bởi một công ty kiểm toán độc lập. Mọi SOE được quản lý bởi một ban giám đốc và có qui định và phân công rõ ràng vai trò của Ban giám đốc Doanh nghiệp Nhà nước và CEO.

Sự phân bổ số vị trí trong ban quản trị của các công ty Nhà nước Chi-lê được quyết định bởi SEP, hoặc qui định trong luật điều chỉnh. Như cách quản trị của CODELCO, có chức danh được chỉ định theo đề xuất của một ủy ban dịch vụ dân sự cấp cao, và cả những danh điều động bởi cơ quan chính trị của chính phủ.

Các qui trình tố tụng liên quan đến cơ quan Nhà nước có liên quan đến tranh chấp đầu tư được đánh giá là minh bạch và không phân biệt đối xử.

Quỹ đầu tư Nhà nước

Chi-lê có hai quỹ đầu tư nhà nước thu hút vốn từ doanh thu bán kim loại đồng. Quỹ bình ổn Kinh tế và Xã hội (FEES) được thành lập trong năm 2007 và có giá 14,7 tỉ USD trong tháng Hai 2015. FEES tài trợ cho các khoản trả nợ công và thâm hụt tài chính tạm thời, để giữ chính sách tiền tệ phù hợp. Quỹ hưu trí được thiết lập năm 2006 và có giá 7,9 tỉ USD vào tháng Hai 2015. Mục đích của quỹ này là thanh toán cho những người đủ điều kiện nhận lương hưu nhưng đóng góp cho quỹ hưu trí tư nhân chưa đủ mức tối thiểu qui định bởi Nhà nước. Một quỹ nhà nước thứ ba, có tên gọi Quỹ Hai trăm năm (Bicentennial Fund), nhằm khuyến khích người dân Chi-lê đi du học bằng học bổng Nhà nước.

Các quỹ nhà nước đều được quản lý bởi Ngân hàng Trung ương Chi-lê, dưới sự chỉ đạo của Bộ Tài chính. Bộ Tài chính nhận lời khuyên về chính sách liên quan các quỹ này từ Ủy ban Tài chính (ban này gồm các thành viên là các nhà tư vấn độc lập). Bộ Tài chính công bố về các quỹ này hàng tháng, hàng quý, và hàng năm.

Sung công và bồi thường

Luật Chi-lê qui định chính phủ có quyền sung công tài sản, bao gồm cả tài sản từ các nhà đầu tư nước ngoài, chỉ dành cho mục đích công và quốc gia, trên cơ sở không phân biệt đối xử và phù hợp với luật.

Luật qui định bồi thường cần được thực hiện ngay, với giá thị trường ngang bằng, bên cạnh các lợi ích khác. Chính phủ chưa quốc hữu hóa công ty tư nhân nào từ 1973.

Giải quyết tranh chấp

Khung luật và pháp lí Chi-lê là phương tiện giúp thực hiện hiệu quả các quyền tài sản và hợp đồng. Luật điều chỉnh những vấn đề lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài trong nhiều chế định, bao gồm Bộ luật thương mại 1868, Luật dân sự, Luật lao động và Đạo luật Ngân hàng chung. Chi-lê có các tòa án chuyên môn để giải quyết các vấn đề về thuế và lao động.

Hệ thống tư pháp tại Chi-lê khá minh bạch và độc lập. Khả năng chính phủ can thiệp

vào các phán quyết của Tòa tháp. Nếu một công ty phụ thuộc vào Nhà nước có dính líu đến vụ tranh chấp, GOC sẽ liên quan một cách trực tiếp thông qua Hội đồng bảo an Nhà nước. Trong trường hợp Tòa phán quyết một công ty phá sản, một người chịu trách nhiệm chính sẽ được chỉ định để phân phối phần tài sản còn lại của con nợ cho các chủ nợ.

Phán quyết của tòa nước ngoài và các phán quyết trọng tài quốc tế thường cũng được tòa địa phương công nhận và cho thi hành.

Phá sản

Chi-lê có Luật phá sản và kinh doanh lại đã có hiệu lực từ tháng Mười 2014 thay thế cho Luật phá sản cũ. Luật mới điều chỉnh qui trình phá sản, tránh hình sự hóa việc phá sản. Với luật mới, lần đầu tiên Chi-lê giải quyết cả vấn đề phá sản xuyên biên giới, thiết lập một nguyên tắc rằng chủ nợ nước ngoài cũng có quyền tương tự như chủ nợ trong nước. Điều khoản này điều chỉnh cả quan hệ hợp tác tư pháp giữa Chi-lê và các quốc gia nước ngoài.

Tranh chấp đầu tư

Tranh chấp có thể được giải quyết bởi hệ thống tư pháp địa phương, tuy rằng thời gian cần để giải quyết có thể không mấy hấp dẫn với nhà đầu tư nước ngoài. Do khối lượng vụ việc nhiều, thiếu nhân lực và qui trình giải quyết cũ, việc giải quyết tranh chấp kinh doanh tại hệ thống tòa dân sự có thể mất đến 4-5 năm. Do đó, các bên trong vụ việc thường chọn giải quyết ngoài tòa. Cơ chế hòa giải và trọng tài vẫn tồn tại ở Chi-lê như cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế. Một vụ kiện cũng có thể được mang đến tòa án theo qui trình khẩn liên quan đến xâm phạm quyền hiến định.

Trọng tài quốc tế

Từ 1958, Chi-lê đã tham gia Công ước về ghi nhận và thực hiện quyết định của trọng tài nước ngoài (Công ước New York). Chi-lê cũng tham gia (i) Công ước Liên Mỹ về Tư pháp quốc tế (Bustamante Code) từ 1934; (ii) Công ước liên Mỹ về Trọng tài thương mại quốc tế (Công ước Panama) từ 1976; và (iii) Công ước Washington về giải quyết tranh chấp giữa các nhà nước 1992.

Các tòa địa phương Chi-lê tôn trọng và cho thực thi các phán quyết của trọng tài nước ngoài. Chi-lê có hai hệ thống trọng tài, và trọng tài trong nước/ quốc tế được điều chỉnh bởi khung pháp luật khác nhau. Trọng tài thương mại quốc tế chịu sự điều chỉnh của Đạo luật trọng tài thương mại Quốc tế, theo mô hình Luật mẫu UNCITRAL 1985 về trọng tài thương mại quốc tế. Bên cạnh chế định này, còn có cả Luật số 2349 điều chỉnh Hợp đồng quốc tế cho lĩnh vực công và hình thành khung pháp lý đặc thù cho Nhà nước và các cơ quan Nhà nước để giải quyết tranh chấp tại cơ quan trọng tài quốc tế. Trọng tài trong nước được điều chỉnh bởi Luật Tài phán và Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời gian giải quyết tranh chấp

Do tranh chấp có thể mất đến vài năm để giải quyết tại tòa án, các phương án như trọng tài và hòa giải trung gian thường là những lựa chọn thay thế hấp dẫn. Pháp quyền rất được tôn trọng tại Chi-lê. Các bản án và phán quyết của trọng tài, bao gồm cả bản án và phán quyết quốc tế, đều được công nhận và cho thi hành tại Chi-lê mà không gặp phải vấn đề gì. Tuy nhiên, các tòa án Chi-lê thường áp dụng qui định của Đạo luật Trọng tài thương mại Quốc tế. Điều này có nghĩa là Tòa tối cao thường từ chối công nhận một phán quyết trọng tài được ban hành ở nước ngoài nếu phán quyết không có hiệu lực ràng buộc, hay bị hoãn hoặc bị tuyên vô hiệu bởi tòa án tại nước hay theo luật mà phán quyết đó được thực hiện.

Yêu cầu hoạt động và ưu đãi đầu tư

- **WTO/TRIMS**

Chi-lê không duy trì bất cứ biện pháp nào đã thông báo với Tổ chức Thương mại Quốc tế là không phù hợp với các yêu cầu về đầu tư thương mại của WTO (TRIMS), và cũng không duy trì biện pháp nào xâm phạm các nghĩa vụ quốc gia theo TRIMS.

- **Ưu đãi đầu tư**

Ưu đãi đầu tư tại Chi-lê nằm dưới hình thức tín dụng thuế, miễn trừ thuế, và tài trợ cho các dự án nghiên cứu phát triển và khởi nghiệp giai đoạn đầu.

- **Nghiên cứu và phát triển**

Chi-lê không trợ cấp cho đầu tư nước ngoài. Tuy vậy có nhiều biện pháp ưu đãi liên quan đến các khu địa lý độc lập và cho lĩnh vực công nghệ thông tin. Các lợi ích này có thể là việc đồng tài trợ nghiên cứu khả thi hoặc ưu đãi cho mua lại đất tại các khu công nghiệp, thuê lao động địa phương, hoặc điều chỉnh tài trợ dự án. Các ưu đãi quan trọng khác có thể kể đến như khấu hao để tính thuế, ưu đãi thuế đặc biệt cho lợi nhuận giữ lại không chia (giảm dần trong năm 2017 do cải cách thuế 2014), cũng như biện pháp bảo đảm về mặt pháp lý cho lợi nhuận và vốn giữ lại.

Chi-lê có nhiều chương trình ưu đãi đặc biệt hướng đến thúc đẩy đầu tư và tuyển dụng lao động ở những vùng xa xôi hay kém thuận lợi, phát triển doanh nghiệp mới, hỗ trợ doanh nghiệp siêu nhỏ, vừa và nhỏ, và xúc tiến phát triển sáng tạo kỹ thuật.

Kể từ 2001, Cục phát triển kinh tế Chi-lê (CORFO) đã thực thi kế hoạch "Chile Invests" với mục tiêu thu hút đầu tư FDI vào những khu vực bên ngoài Khu đô thị Santiago, trong một số lĩnh vực. Mục tiêu chính của kế hoạch là khuyến khích đầu tư vào những khu vực trong những ngành kỹ thuật phi truyền thống như công nghệ sinh học, nghiên cứu và phát triển vật liệu mới, qui trình kỹ thuật và điện tử, và kỹ thuật mới góp phần làm gia tăng giá trị xuất khẩu của các nguồn lực tự nhiên. Kế hoạch cũng thúc đẩy đầu tư trong lĩnh vực năng lượng, chủ yếu trong các dự án năng lượng tái tạo hiện đại. CORFO có các chương trình đồng tài trợ cho các nghiên cứu khả thi trước khi đầu tư của các dự án dùng năng lượng tái tạo hiện đại. Xem thêm trên trang web của CORFO để tìm thông tin chương trình ưu đãi đầu tư: <http://www.english.corfo.cl/programs>

Luật Arica 2001 cấp tín dụng thuế cho các công ty tại Arica và Parinacota. Dự án đầu tư trên 2.000 UTM (khoảng 148.000 USD) tại Arica có thể được hưởng tín dụng thuế đến 30% trị giá tài sản hữu hình cố định (40% với dự án du lịch). Dự án đầu tư trên 1.000 UTM (khoảng 74.000 USD) tại Parinacota có thể được hưởng tín dụng thuế 40% giá trị tài sản cố định hữu hình. Các ưu đãi này có hiệu lực cho đến 31 tháng Mười hai, 2030. [Ghi chú: Chỉ số Unidad Tributaria Mensual (UTM) là một chỉ số đo lường sự lạm phát của giá trị, điều chỉnh theo định kỳ tháng. Tháng Tư 2015, 1 UTM tương đương 71 USD]. Kế hoạch xúc tiến đầu tư thứ ba là áp dụng cho vùng Tierra del Fuego in Khu XII (Magallanes). Nơi đây có nhiều nguồn tài nguyên tốt cho khai khoáng, sản xuất, vận tải, và du lịch, ưu đãi các công ty sản xuất hàng hóa dịch vụ đến 25% lao động và nguồn lực địa phương.

Các ưu đãi đầu tư khác được giới thiệu thông qua “Kế hoạch cạnh tranh Chi-lê”. Kế hoạch bao gồm cả việc miễn trừ thuế thu nhập của các nhà đầu tư từ các định chế tài chính như quỹ cộng đồng và quỹ hưu trí, hoặc thu nhập từ việc chuyển nhượng chứng khoán công ty, hoặc trái phiếu, hoặc các chứng khoán chào bán công khai thay cho các khoản nợ phát hành bởi Ngân hàng Trung ương Chi-lê, chính phủ Chi-lê, hoặc các công ty hoạt động tại Chi-lê.

Trong tháng Giêng 2011, Bộ Kinh tế, thông qua CORFO, lập chương trình 40 triệu USD, được biết đến với tên gọi “StartUp Chile,” nơi các doanh nghiệp được chọn sẽ được nhận một khoản trợ cấp 40.000 USD, và đối với người nước ngoài là visa làm việc tại Chi-lê, để phát triển một doanh nghiệp khởi nghiệp tại Chi-lê. Theo chương trình này, doanh nghiệp đó có 6 tháng để phát triển một dự án và sau đó quảng bá thông qua chuỗi giới thiệu/ hội thảo tại các trường đại học địa phương, buổi họp mặt doanh nghiệp và các buổi tiếp xúc cộng đồng khác. Trong tháng Giêng 2015, chương trình tiến hành phát động cho đợt thứ 12, với 100 vị trí mới.

• Yêu cầu hoạt động

Cả Ủy ban Đầu tư Nước ngoài Chi-lê và Ngân hàng Trung ương đều không áp dụng yêu cầu hoạt động trong khi xem xét các dự án đầu tư.

• Lưu trữ dữ liệu

Chính phủ Chi-lê không áp dụng qui định “nội địa hóa bắt buộc.” Nhà đầu tư nước ngoài không có nghĩa vụ sử dụng nguồn tài nguyên trong nước đối với hàng hóa hay kỹ thuật.

Không có yêu cầu địa chỉ nào là địa chỉ mà các nhà cung cấp dịch vụ IT nước ngoài phải nộp source code hoặc cung cấp quyền giám sát.

Quyền sở hữu và thành lập doanh nghiệp

Trừ những hạn chế trong lĩnh vực nghề cá và viễn thông, Chi-lê không hạn chế quyền sở hữu tư nhân hoặc thành lập doanh nghiệp. Tuy vậy, khoản 24 của điều 19 Hiến pháp qui định “khu vực tuyệt đối, loại trừ, không thể chuyển nhượng và thường trực” của Nhà nước Chi-lê đối với mọi loại tài nguyên, hydrocarbon, và xăng dầu trong địa phận Chi-lê. Theo luật Chi-lê, chính phủ có thể cấp quyền miễn trừ cho cá nhân và

công ty thăm dò và phát triển nguồn lực tự nhiên trong một thời gian nhất định. Có cả biện pháp liên quan đến an ninh quốc gia về việc mua lại bất động sản của người nước ngoài gần biên giới với các nước láng giềng.

Bảo hộ quyền sở hữu

- **Tài sản thực tế**

Quyền tài sản, cả động sản và bất động sản, đều được bảo hộ, công nhận và cho thi hành tại Chi-lê. Có một hệ thống để ghi nhận các khoản cho thuê mua nhà (mortgage) và các dạng khác của quyền cầm giữ. Chi-lê xếp thứ 45/183 nền kinh tế theo bảng xếp hạng Doing Business của World Bank năm 2015 về đăng kí tài sản.

- **Quyền sở hữu trí tuệ**

Chính phủ Chi-lê đã tiến hành nhiều cải cách về luật pháp để củng cố hệ thống quyền sở hữu trí tuệ (IPR) và làm cho hệ thống này phù hợp với các cam kết quốc tế. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều lỗ hổng trong luật IPR Chi-lê và việc thực hiện bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (IPR). Đáng lo ngại nhất là các bằng sáng chế không đủ và bảo hộ dữ liệu test trong lĩnh vực dược phẩm; thiếu hệ thống hữu hiệu để giải quyết các vấn đề sáng chế với hồ sơ dược phẩm thị trường tự do; sự phá vỡ các biện pháp bảo hộ kỹ thuật; vi phạm bản quyền trong lĩnh vực âm nhạc và phần mềm, đặc biệt thông qua internet. Chi-lê cũng chưa nghiêm trọng việc bảo hộ tín hiệu vệ tinh thu phát các chương trình có mã hóa và giống cây trồng.

Chi-lê đã là một thành viên của Tổ chức Bảo hộ sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO) từ 1975 và tham gia Công ước về bản quyền chương trình và bản ghi âm từ tháng Tư 2001. Chi-lê đã thông qua và điều chỉnh luật lệ để phù hợp với nghĩa vụ về sở hữu công nghiệp theo TRIPS từ tháng Mười hai 2004. Luật cho phép tiến hành qui trình tố tụng rút gọn và quyền thu giữ nhanh bản sao chép bất hợp pháp của các sản phẩm đã được cấp bằng sáng chế. Trong năm 2008, Chi-lê phê chuẩn việc thực hiện công ước Hợp tác về bằng sáng chế (PCT), có hiệu lực từ tháng Sáu 2009.

Thông tin thêm về các nghĩa vụ theo các công ước và văn phòng IP địa phương, xin xem tại trang của Chile trên WIPO:

http://www.wipo.int/directory/en/details.jsp?country_code=CL

Tính minh bạch của hệ thống qui định

Hệ thống qui định Chi-lê thường rất minh bạch, và các nhà làm luật thường rất công tâm khi ban hành luật. Luật cũng ít có những điều khoản mang tính hình thức. Theo đánh giá “Doing Business 2015” của Ngân hàng Thế giới, Chile xếp hạng 41/189 nền kinh tế về độ mở khi kinh doanh.

Thị trường vốn và danh mục đầu tư

Thị trường vốn Chi-lê khá phát triển và mở với nhà đầu tư danh mục nước ngoài. Tín

dụng được phân bổ theo nguyên tắc thị trường và dành cho cả nhà đầu tư nước ngoài. Tuy vậy, Ngân hàng Trung ương có quyền hạn chế tiếp cận tín dụng nội bộ nếu đang thiếu vốn tín dụng. Nhưng cho đến giờ Ngân hàng Trung ương Chi-lê vẫn chưa áp dụng quyền này.

Các công ty Chi-lê được niềm yết thường thu hút được rất nhiều sự quan tâm từ nhà đầu tư quốc tế.

Trong tháng Năm 2011, thị trường chứng khoán Chi-lê, Peru và Colombia đã hợp nhất lại trở thành thị trường giao dịch lớn thứ hai tại châu Mỹ Latinh sau Brazil. Liên minh thị trường này được biết đến với tên gọi Thị trường Mỹ - Latinh hợp nhất (MILA), được kì vọng sẽ giới thiệu đến nhà đầu tư những danh mục tài sản có gắn với nguồn lực tự nhiên của khu vực. Chỉ số IPSA của Chi-lê là chỉ số thu hồi toàn bộ và bao gồm 40 loại cổ phiếu được giao dịch nhiều nhất. IPSA bắt đầu được tính từ 1977 và điều chỉnh theo quý.

Nhà đầu tư và cung ứng chính vốn cho các công ty địa phương là quỹ quản trị lương hưu (AFP) cũng như các công ty bảo hiểm, quỹ tương hỗ và ngân hàng. Hơn nửa số công cụ tài chính trên thị trường được nắm giữ bởi các nhà đầu tư tại các định chế tài chính.

Quỹ hưu trí là nhà đầu tư lớn nhất, kể đến là các công ty bảo hiểm. Tháng Ba 2015, 6 quỹ quản trị lương hưu của Chi-lê đã quản lí tổng danh mục đầu tư 170,6 tỉ USD, chiếm 68% GDP của Chi-lê. Quỹ hưu trí được quản lí bởi các AFP là thu nhập của 9,6 triệu thành viên, trong đó 5 triệu đóng góp. Tổng nguồn lực được AFP quản lí được chia thành 5 loại quỹ khác nhau tùy theo mức độ rủi ro.

GOC đang nâng dần tỉ lệ phần trăm của quỹ hưu trí có thể đầu tư ra nước ngoài. Trong năm 2008, một gói cải tổ áp dụng cho hệ thống hưu trí đã được chấp thuận bởi Quốc hội, tăng lên gấp 3 lần mức được phép đầu tư ra nước ngoài (từ 30 lên 60%). Trong năm 2014, AFP đã đầu tư 44% nguồn lực ra nước ngoài. Gói cải cách cũng đặt nền tảng xây dựng “trụ cột vững chắc” để tăng độ bao phủ, bao gồm cả các thành viên thu nhập thấp và người lao động tự làm chủ, cũng như mở rộng mức độ hỗ trợ an toàn xã hội.

Trong năm 2012, các công ty bảo hiểm (gồm cả các công ty tái bảo hiểm) tại Chi-lê đã quản lí gần 50 tỉ USD tài sản, chiếm 18% GDP. Các công ty bảo hiểm đầu tư đa số thị phần danh mục vào các tài sản chứng khoán thu nhập ổn định. 9% danh mục là đầu tư ra nước ngoài.

Hệ thống tiền tệ và ngân hàng

Hệ thống ngân hàng Chi-lê hoạt động hợp lí, cạnh tranh và đáp ứng đủ tiêu chuẩn Basel. Hiện có khoảng 24 ngân hàng hoạt động tại Chi-lê, 4 trong số đó là chi nhánh đại diện ngân hàng nước ngoài. Chỉ có một ngân hàng sở hữu toàn bộ bởi tư nhân (BCI). Còn lại là các ngân hàng ít nhiều có quan hệ với định chế tài chính nước ngoài. Các ngân hàng nước ngoài sẽ có thể cạnh tranh với nhau như đối thủ trong nước. Có khoảng 7 tổ chức cho thuê và tiết kiệm địa phương, và một ngân hàng Nhà nước, Banco Estado, ngân hàng lớn thứ ba của Chi-lê. Các ngân hàng tư nhân quản lí hầu hết các doanh nghiệp.

Ngành ngân hàng Chi-lê hạn chế nghiêm việc cho vay cho một con nợ nhất định hoặc một nhóm các công ty có liên quan với nhau. Mức trần là 5% các khoản vay và dự trữ của một ngân hàng, đối với khoản cho vay tài sản miễn thế chấp và 25% các khoản vay thế chấp (tài sản cố định).

Theo cơ quan Giám sát Ngân hàng và Định chế tài chính Chi-lê, một bản tóm tắt hệ thống ngân hàng Chi-lê trong tháng Hai 2015 có thể như sau:

Tổng khoản cho vay – 209 tỉ USD

Tài khoản tiền gửi – 169,1 tỉ USD

Tổng tài sản – 294,9 tỉ USD

Thông tin chung về thị trường tài chính

- Ngân hàng và các tổ chức tài chính: 24 thành viên. Tổng khoản cho vay: 209 tỉ USD
- Quỹ hưu trí: 6 nhà quản lí (3 trong số đó là của các công ty Hoa Kỳ). Số tiền quản lí: 170,6 tỉ USD
- Công ty bảo hiểm: 60 công ty (28 bảo hiểm chung, 32 bảo hiểm nhân thọ).

Độ cạnh tranh

Theo báo cáo Global Competitiveness Report 2014-2015 của WEF, Chi-lê là quốc gia cạnh tranh nhất Nam Mỹ và xếp thứ 4 về cạnh tranh của châu Mỹ sau Hoa Kỳ, Canada và Puerto Rico. Chi-lê xếp thứ 33 trên thế giới về cạnh tranh.

Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR)

Chính phủ khuyến khích doanh nghiệp nước ngoài và địa phương tuân thủ các nguyên tắc chung về CSR, như Hướng dẫn của OECD Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hiệp Quốc về kinh doanh và quyền con người.

Cả nhà sản xuất và người tiêu dùng tại Chi-lê đều đã có nhận thức chung, bước đầu về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp. Để phù hợp với qui định của OECD, Chi-lê đã thông qua luật trong tháng Chín 2009 với những qui định mới giúp củng cố trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, liên quan đến lao động và quyền người lao động, bảo vệ người tiêu dùng và bảo vệ môi trường.

Các tổ chức NGO độc lập tại Chi-lê xúc tiến và quản lí CSR. Các ví dụ điển hình bao gồm NGO Acción RSE: <http://www.accionrse.cl/>, và Trung tâm trách nhiệm xã hội của trường đại học Catholic Valparaiso.

Bạo động chính trị

Khả năng bị phá rối dân sự và khủng bố tại Chi-lê là rất thấp, và nếu xảy ra cũng ít có ảnh hưởng tới nền kinh tế Chi-lê. Tuy tỉ lệ tội phạm tăng chậm và đa số tội phạm là các tội phi bạo lực, khu đô thị Santiago có sự gia tăng cả về tỉ lệ tội phạm và bạo lực giai đoạn 2014-15. Trong 10 năm qua có ít các cuộc tấn công với mục đích chính trị

vào các công trình, dự án đầu tư. Trong năm 2014, có một tỉ lệ nhỏ sự phá hoại công trình cửa hàng và vận tải diễn ra trong các cuộc biểu tình phản đối của sinh viên liên quan đến vấn đề cải cách giáo dục, khi biểu tình cao trào dẫn đến bạo động.

Từ 2007, Chi-lê đã có khoảng 220 vụ đánh bom qui mô nhỏ, nhiều trong số đó nghi ngờ là do các nhóm vô chính phủ. Từ tháng Năm 2014, các nhóm vô chính phủ mở rộng mục tiêu bao gồm cả các công trình vận tải và chôn công cộng; có một lần tại tuyến xe lửa metro Santiago trong giờ hành chính. Một lần đánh bom hồi tháng Chín 2014 tại một khu thương mại trên một trạm metro đã làm bị thương 14 người và được Chính phủ cho rằng không chỉ là đánh bom khủng bố mà còn là tiếng chuông cảnh tỉnh cần có những biện pháp cứng rắn hơn để quản lí. Sau đó đã có nhiều vụ bắt bớ.

Tham nhũng

Từ 2003, Chi-lê đã thông qua luật thiết lập khung dịch vụ dân sự hiệu quả và chuyên nghiệp hơn thông qua các biện pháp chú trọng hiệu quả và giảm bớt các chức danh chỉ định trong dịch vụ công. Trong năm 2005, GOC thông qua luật điều chỉnh của các đảng chính trị và chương trình tài trợ cho các ứng cử viên của các đảng.

Trong năm 2007, một luật mới có hiệu lực bảo vệ cho người lao động trong lĩnh vực công khi thông báo vi phạm về tiêu chuẩn trách nhiệm, và cùng thời điểm này, Chi-lê đã phê chuẩn Công ước Liên hiệp quốc về Tham nhũng. Trong năm 2009, Chi-lê đã thông qua luật minh bạch qui định nghĩa vụ của các cơ quan chính phủ trong việc công khai thông tin về chi tiêu, lương người lao động, và các dữ liệu tài chính khác. Công dân cũng được quyền được cung cấp thông tin cập nhật về việc làm thế nào tiếp cận dịch vụ công và yêu cầu thông tin. Luật kiến tạo Hội đồng Minh bạch chịu trách nhiệm thực hiện những qui định của Luật. Chính phủ của Tổng thống Piñera (2010-2014) đã tiến hành một chiến dịch giáo dục công dân về quyền tiếp cận thông tin công và tạo nên Chile Atiende, một cơ quan sử dụng mạng Internet và được cá nhân hóa để hợp lí hóa cơ hội tiếp cận dịch vụ công chính phủ.

Như đã ghi nhận trên đây, năm 2014 Chi-lê xếp thứ 21/175 quốc gia về chỉ số nhận thức về tham nhũng của Tổ chức Minh bạch Quốc tế (với số 1 là nhận thức thấp nhất về tham nhũng).

Nhiều vụ tham nhũng liên quan đến các công ty khai khoáng, các công ty lớn, và một người họ hàng của Tổng thống Bachelet đã được dư luận quan tâm rất nhiều giai đoạn năm 2014 đầu năm 2015.

Chi-lê đã kí và phê chuẩn cả Công ước Liên hiệp Quốc về Tham nhũng và Công ước của OECD về đấu tranh với nạn hối lộ.

Doanh nghiệp có thể báo cáo về các trường hợp tham nhũng tại:

Alberto Precht

Giám đốc điều hành tổ chức Chile Transparente

(Chi nhánh tại Chi-lê của tổ chức Minh bạch Quốc tế)

Địa chỉ: Pérez Valenzuela 1687 Piso 1

Providencia, Santiago, Chile

Điện thoại: +562 2236 4507

Email: contacto@chiletransparente.cl

Hiệp định thương mại song phương

Theo số liệu từ Chính phủ Chi-lê, cuối năm 2014, Chi-lê đã kí 55 Hiệp định đầu tư song phương (BIT), trong đó có 41 đang có hiệu lực. Có nhiều hiệp định có hiệu lực với Argentina, Úc, Áo, Bỉ và Luxembourg, Bolivia, Trung Quốc, Costa Rica, Croatia, Cuba, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Ecuador, El Salvador, Phần Lan, Pháp, Đức, Hi Lạp, Guatemala, Honduras, Iceland, Ý, Malaysia, Nicaragua, Na Uy, Panama, Paraguay, Peru, Philippines, Ba Lan (2 hiệp ước), Thổ Nhĩ Kỳ, Rumani, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ (Hiệp ước 1999), Ukraina, Anh, Uruguay (2 hiệp ước), và Venezuela. Các hiệp định đã kí khác gồm có các hiệp định với Brazil, Colombia, Cộng hòa Dominica, Ai Cập, Hungary, Indonesia, Lebanon, Hà Lan, New Zealand, Nam Phi, Thụy Sĩ (Hiệp ước 1991), Tunisia, Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam.

Chi-lê có hiệp định tránh đánh thuế 2 lần đang có hiệu lực với Úc, Bỉ, Brazil, Canada, Colombia, Croatia, Đan Mạch, Ecuador, Pháp, Ireland, Malaysia, Mexico, New Zealand, Na Uy, Paraguay, Peru, Ba Lan, Portugal, Nga, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Thái Lan và Anh.

Lao động

Thất nghiệp tại Chi-lê chạm ngưỡng bình quân 6,3% trong giai đoạn 2014. Lực lượng lao động tăng 1,1% trong tháng Mười hai 2014, so với cùng kì năm trước.

Chi-lê gần đây đã cho thi hành nhiều luật và qui định liên quan đến những quyền lao động đã được quốc tế công nhận: quyền tự do lập hội và thương lượng tập thể; bỏ lao động cưỡng bức; vấn đề lao động trẻ em, bao gồm cả tuổi tối thiểu để được lao động; phân biệt quyền tuyển dụng và nghề nghiệp; điều kiện lao động chấp nhận được liên quan đến mức lương tối thiểu, an toàn và sức khỏe lao động, và số giờ làm việc.

Chi-lê nhìn chung có quan hệ lao động tương đối ổn định trong thập kỉ qua, tuy nhiên vẫn còn nhiều vụ đình công. Đình công và bạo động chủ yếu tập trung trong ngành khai khoáng, sức khỏe, giáo dục, vận tải, và dịch vụ dân sự. Trong nhiều năm qua, nhiều vụ đình công tại các cảng của Chi-lê đã diễn ra suốt mùa hè, khi Chi-lê vào vụ thu hoạch và xuất khẩu trái cây. Cơ chế trọng tài và hòa giải thường được áp dụng để giải quyết các vấn đề tranh chấp lao động. Đình công bị ngăn cấm trong một số lĩnh vực “dịch vụ thiết yếu” qui định bởi luật.

Tư cách thành viên công đoàn tùy thuộc sự lựa chọn của cá nhân. Theo Tổng cục Lao động GOC, 14,2% lực lượng lao động Chi-lê thuộc công đoàn trong năm 2013. Nhiều công đoàn có thể cùng tồn tại trong một công ty, và nhà quản lí có thể thương lượng tập thể với bất kì công đoàn nào, hoặc với ủy ban lao động lâm thời. Các công đoàn có thể hình thành liên đoàn hoặc trung tâm lao động quốc gia và có thể liên minh với các liên đoàn lao động quốc tế. Các hợp đồng chủ yếu được đàm phán ở cấp độ công ty. Việc thương lượng giữa nhiều công ty được cho phép lựa chọn thương lượng hay không. Tiền trả ngoài giờ, kì nghỉ thường niên, và ngày lễ được qui định bởi luật. Phụ

nữ được nghỉ thai sản do nhà nước trả lương trong 6 tuần lễ trước và 6 tháng sau khi sinh. Không được sa thải phụ nữ trong giai đoạn thai kì và một năm sau khi đã trở về sau khi nghỉ thai sản. Cải cách lao động được đề cập ở trên cho thấy uy tín của công đoàn, có sự tham gia toàn diện vào quá trình thương lượng tập thể.

Mức lương cho những nhà quản lí hàng đầu theo thông lệ của các quốc gia châu Âu, tuy rằng mức này vẫn còn thấp hơn Hoa Kỳ. Chi-lê cho phép các công ty giảm phí đào tạo (tối đa 1% tổng quỹ lương mỗi năm) khỏi khoản chi phí tính thuê thu nhập doanh nghiệp. Một công ty cũng có thể dùng đến 10% số tiền kể trên để phục vụ cho việc phân tích nhu cầu đào tạo, và 15% để trả cho một bộ phận đào tạo riêng.

Số giờ lao động tối đa cho phép trong một tuần tại Chi-lê là 45. Tùy theo trường hợp, các công dân Chi-lê phải chiếm 85% số lượng lao động mỗi công ty thuê đối với công ty có hơn 25 nhân viên.

Luật gia công 2007 xác định outsourcing là hai hoạt động khác nhau: gia công và cung ứng lao động ra bên ngoài. Gia công là khi một công ty thường xuyên outsource một qui trình đặc thù cho công ty khác mà không chịu trách nhiệm toàn bộ đối với hoạt động này. Hoạt động đó được tiến hành với người lao động của công ty. Tuy nhiên, luật không cho phép các công ty outsource các hoạt động kinh tế chủ yếu của công ty. Việc giữ lao động ngoài công ty làm việc trong phạm vi việc gia công theo luật chỉ khi nào đó là công việc mang tính chất "tạm thời", được định nghĩa là trong vòng 90 (hoặc trong một số trường hợp là 180) ngày. Bên cạnh đó, chỉ có các công ty đăng kí là nhà cung ứng lao động tạm thời và thiết lập chế độ bảo vệ đối với các nghĩa vụ của chính công nhân của họ mới được cho phép thực hiện đầy đủ chức năng này. Luật cũng thiết lập giới hạn đối với số lượng công nhân có thể được sử dụng trong các công việc mang tính ngắn hạn.

Các khu thương mại nước ngoài/ Cảng tự do/ Giao lưu thương mại

Chi-lê có hai cảng miễn thuế: một cảng ở thành phố cảng phía bắc Iquique (khu vực I) và một tại thành phố phía nam Punta Arenas (khu vực XII). Nhà buôn và nhà sản xuất tại các khu vực này được miễn trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng (VAT), và thuế hải quan. Doanh nghiệp có thể tái xuất khẩu hàng hóa mà không phải trả thuế, nhưng phải trả thuế giá trị gia tăng VAT (19%) và thuế nhập khẩu khi hàng hóa rời khỏi khu vực này để được bán hay dùng tại các khu vực khác của Chi-lê. Các miễn giảm tương tự cũng được áp dụng cho nhà sản xuất tại Chacalluta và Las Americas Industrial Park tại Arica (trong khu XV Arica và Parinacota). Các ưu đãi khu vực tự do không áp dụng cho ngành khai khoáng, đánh bắt cá và dịch vụ tài chính. Các công ty quản lí thành lập ngoài khu vực tự do được miễn thuế, VAT, hay các loại phí khác về nhập khẩu, thuế thu nhập hạng mục đầu tiên theo Luật thuế thu nhập, cũng như thanh toán VAT cho hàng hóa và dịch vụ cho mọi hoạt động trong khu thương mại tự do.

Các công ty nước ngoài có cùng cơ hội đầu tư như các công ty Chi-lê tại các khu vực này.

Đầu tư nước ngoài

Theo FIC, giai đoạn 2009 – 2013, lĩnh vực khai khoáng đã thu hút 44,9% FDI theo DL600, kế đến là dịch vụ (17,6%); điện tử, khí đốt và nước (10,2%); chế biến chế tạo (4,7%); vận tải và truyền thông (3,4%); thương mại (1,2%); xây dựng (1,0%); và nông nghiệp và nghề cá (0,2%). Tổng vốn FDI thực hiện thông qua DL600 từ 2009-2013 đạt 100,8 tỉ USD. Theo Ngân hàng Trung ương, Chi-lê ghi nhận 20,3 tỉ USD FDI trong năm 2013, với mức giảm 29% so với năm 2012. Năm lĩnh vực thu hút vốn FDI hàng đầu năm 2013 là: điện, khí đốt và nước (4,9 tỉ USD); dịch vụ tài chính (3,2 tỉ USD); khai khoáng (2,3 tỉ USD); các dịch vụ khác (1,2 tỉ USD); và viễn thông (877 triệu USD).

Cơ hội đầu tư tại Chi-lê

- **Khai khoáng**

Chi-lê là nhà sản xuất hàng đồng lớn nhất thế giới, với trên 50% thu nhập xuất khẩu và 13% GDP. Các sản phẩm khai khoáng khác là vàng, bạc và molybden.

Có ước khoảng 70 tỉ USD đầu tư vào lĩnh vực khai khoáng Chi-lê tính đến 2021.

Cơ hội đến với các công ty đầu tư trong các lĩnh vực hiệu năng nước và giải pháp quản lí, giải pháp hiệu quả năng lượng, kĩ thuật và tư vấn môi trường, cung ứng trang thiết bị (chủ yếu là các loại giúp giảm chi phí, tăng năng suất)

- **Điện**

Công suất sinh điện của Chi-lê ở mức độ khoảng 19.100MW và cần phải tăng để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng thường niên 5%. Theo luật năng lượng tái tạo cần cung ứng 20% tổng lượng sản xuất đến 2025. Có nhiều cơ hội cho nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực như xây dựng công trình nhiệt điện, cung ứng và dịch vụ phụ tùng; kiểm soát khí thải; năng lượng gió; cung ứng cho dự án truyền tải; tiết kiệm năng lượng...

- **Bán lẻ**

Thị trường bán lẻ và tiêu dùng Chi-lê vẫn còn khá mạnh. Theo nghiên cứu toàn cầu 2015, Chi-lê là thị trường toàn cầu mới nổi tổ thứ ba cho các cơ hội trong lĩnh vực bán lẻ. Có nhiều cơ hội cho bán lẻ hàng tiêu dùng và hàng hóa bán lẻ khác tại Chi-lê, như hàng dệt may, lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và sắc đẹp, lĩnh vực đồ gia dụng và nhà bếp, lĩnh vực thực phẩm, đặc biệt là thực phẩm tiện lợi, đồ uống có cồn, đặc biệt là rượu whisky chất lượng cao.

- **Giáo dục và đào tạo**

Chi giáo dục và đào tạo đã tăng gần gấp đôi từ 1990 và hiện nay chiếm khoảng 4-5% GDP. Tỷ lệ phần trăm sinh viên thực hiện học lên cao hơn cấp đại học đã tăng gấp đôi trong thập kỉ qua.

Cơ hội cho các công ty trong lĩnh vực giáo dục gồm: ngành phần cứng, như trang thiết bị phòng lab và bảng tương tác; ngành phần mềm, đặc biệt cho việc giáo dục tiếng Anh; các thiết bị giả lập để đào tạo kĩ thuật...

- **Cơ sở hạ tầng**

Chính phủ Chi-lê cam kết tiếp tục phát triển cơ sở hạ tầng để thúc đẩy ngành xây dựng. Chi-lê cần khoảng 9 tỉ USD đầu tư cho lĩnh vực cơ sở hạ tầng. Các nhà đầu tư cơ sở hạ tầng tại Chi-lê có thể đầu tư vào các ngành như công trình cảng; hợp đồng mua sắm công của Ủy ban Tín thác (BOT); xây dựng và thiết kế cảng; xây dựng cầu và đường sá; cung ứng trang thiết bị...

Chương 7: Thương mại và tài trợ dự án

Phương thức thanh toán

Tại Chi-lê, thanh toán cho nhà cung ứng nước ngoài thường được thực hiện thông qua thư tín dụng không hủy ngang từ một ngân hàng thương mại Chi-lê. Phương thức này tương đối nhanh, không phải chờ đợi thêm để được chuyển tiền. Thanh toán được thực hiện sau khi được nhận biên nhận thông báo đã giao hàng.

Phương thức thanh toán khác bao gồm trả tiền mặt khi nhận chứng từ (C/D) và tài khoản mở. Nhà xuất khẩu đề xuất tài khoản mở thường thực hiện điều này sau khi đã có một thời gian quan hệ lâu dài với người mua.

Hệ thống ngân hàng

Hệ thống ngân hàng của Chi-lê cung cấp nhiều sản phẩm tài sản/nợ thông dụng trên thị trường quốc tế. Tài trợ thương mại nước ngoài và hoạt động đổi tiền thường khá phát triển và hữu hiệu so với đa số các quốc gia Mỹ Latinh.

Cơ quan quản lý ngân hàng và tổ chức tín dụng Chi-lê (www.sbif.cl), một cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, điều hành lĩnh vực tài chính. Ngân hàng Trung ương Chi-lê độc lập so với chính phủ trong việc thực hiện chính sách tiền tệ và điều hòa dòng vốn nước ngoài. Ngân hàng cũng điều hành hoạt động của các ngân hàng. (www.bcentral.cl).

Nhiều ngân hàng Chi-lê có sự hiện diện quốc tế là Banco de Crédito e Inversiones, (BCI), Banco Estado và CorpBanca.

Kiểm soát trao đổi ngoại hối

Chi-lê không hạn chế vốn ngoại tệ vào-ra. Không có yêu cầu dự trữ vốn ngoại hối, yêu cầu tiền cấp phép để tham gia các quỹ có liên quan đến các khoản nợ nước ngoài, vốn lưu động, trái phiếu và một số loại cổ phiếu đặc trưng của các quốc gia. Cũng không có hạn chế về vốn và chuyển lợi nhuận ra nước ngoài. Các hoạt động điều hành tài chính ngoại thương (cả nhập khẩu và xuất khẩu) được cho phép thực hiện giao dịch ngoại hối trên thị trường mở.

Hoạt động trao đổi ngoại hối khá năng động và hiệu quả. Ngoại tệ được giao dịch tự do tại hai thị trường: thị trường không chính thức và thị trường liên ngân hàng (hay thị trường chính thức). Trước khi được cấp phép, Ngân hàng Trung ương Chi-lê yêu cầu xác nhận các giao dịch tài chính thương mại, khoản vay nước ngoài, dòng vốn, và chuyển lợi nhuận về nước được tiến hành thông qua một ngân hàng thương mại (thị trường chính thức).

Tài trợ dự án

Hình thức tài trợ dự án phổ biến là thông qua phát hành cổ phần, trái phiếu trên thị trường vốn trong và ngoài nước, cũng như thông qua các khoản vay nghiệp đoàn.

Các công ty tư nhân cũng có thể tận dụng các chương trình khác như quỹ IFC của

Ngân hàng Thế giới, cung cấp tài trợ cho các công ty tư nhân trong các lĩnh vực cơ sở hạ tầng. IFC rất quan tâm đến các dự án phi truyền thống, xuyên quốc gia và chứng khoán hóa tài sản.

Chương 8: Giao lưu kinh doanh

Văn hóa kinh doanh

Văn hóa kinh doanh tại Chi-lê có nhiều nét tương đồng với phong cách làm việc của các quốc gia khác tại châu Mỹ. Ngày làm việc thường bắt đầu từ 9 giờ và kết thúc vào khoảng giữa 6h và 7h tối. Nghỉ trưa thường bắt đầu từ sau 13h. Giờ ăn trưa có thể chậm hơn vào khoảng 14h đến 15h nếu có công việc cần tiến hành.

Nhiều nhà kinh doanh Chi-lê là những chuyên gia được đào tạo bài bản. Tuy nhiên, không phải doanh nhân Chi-lê nào cũng nói tiếng Anh. Doanh nhân nước ngoài đôi khi cũng nên tìm người có khả năng nói tiếng Tây Ban Nha làm phiên dịch. Việc tiếp thị sản phẩm hoặc văn phong tiếp thị của công ty nên là tiếng Tây Ban Nha.

Về bề ngoài rất quan trọng với người Chi-lê. Trang phục thường là trang phục formal và truyền thống – như bộ comple và cà-vạt với nam hoặc những bộ váy tao nhã hoặc trang phục kinh doanh thông dụng (váy hoặc quần tây) với nữ. Đàn ông thường mặc áo khoác bên ngoài. Trang phục kinh doanh có thể dễ dãi hơn nếu vùng đó ở ngoài thành phố hoặc trong một số ngành/lĩnh vực.

Nên có danh thiếp in tiếng Anh một bên và tiếng Tây Ban Nha một bên. Danh thiếp thường được trao đổi vào đầu cuộc họp.

Vận tải

Giao thông vận tải tại Chi-lê tương đối tốt, và Chi-lê cũng có sự nối kết tốt với các quốc gia lân cận như Hoa Kỳ và các quốc gia Mỹ Latinh.

Hệ thống vận chuyển hàng không nội địa tại Chi-lê phát triển khá tốt và được cung cấp chủ yếu bởi LAN và Sky Airlines. Với khoảng cách địa lý khá xa giữa các thành phố, các chuyến bay giữa Santiago và nhiều thành phố tại Chi-lê thường có tần suất ổn định. Hệ thống đường sắt chưa thực sự hiện đại, nhưng tuyến đường xe lửa trung tâm khá tốt, nối liền Santiago và Chillan. Xem thêm tại www.efe.cl/.

Các con đường chính tại Chi-lê khá tốt. Tuyến cao tốc chính là tuyến đường có thu phí nhưng được trợ giá và điều kiện vận hành tốt. Đường có thu phí trong Santiago được phép thanh toán điện tử, trong khi đường có thu phí ngoài Santiago cần trả tiền bằng tiền mặt. Các tuyến đường cấp hai, đặc biệt bên ngoài Santiago, thường ít được bảo dưỡng. Ở nông thôn cũng không hiếm khi gặp những con đường đất và bụi bần.

Ngôn ngữ

Tiếng Tây Ban Nha là ngôn ngữ chính của Chi-lê. Trong cộng đồng doanh nghiệp, cũng có doanh nghiệp nói tiếng Anh, nhưng để hoạt động tại Chi-lê, doanh nhân cần nói tiếng Tây Ban Nha hoặc có đối tác có thể nói cả tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha.

Sức khỏe

Chi-lê có cả nhà cung cấp dịch vụ sức khỏe tư nhân và công cộng. Nhiều phòng khám

tư tại Santiago được trang bị đầy đủ trang thiết bị y tế.

Giờ địa phương, thời gian kinh doanh và ngày nghỉ

Chi-lê nằm ở Nam bán cầu. Từ tháng Giêng 2015, Chi-lê không còn cập nhật lịch giờ mùa hè của Nam bán cầu, và do đó suốt năm thuộc múi giờ GMT -03:00. Cũng vì vậy, trong suốt mùa đông Bắc bán cầu, Chi-lê đi trước 2 tiếng so với giờ chuẩn EST. Vào mùa hè Bắc bán cầu, Chi-lê đi trước một tiếng giờ mùa hè EDT.

Ngày kinh doanh tại Chi-lê thường bắt đầu lúc 9 giờ và kết thúc vào khoảng 6 hoặc 7 giờ tối. Giờ nghỉ trưa thường bắt đầu từ sau 1 giờ chiều.

Dưới đây là danh sách các ngày nghỉ lễ tại Santiago trong năm 2015.

1 tháng Giêng	Tết dương lịch
3 tháng Tư	Ngày thứ Sáu tốt lành
4 tháng Tư	Ngày thứ Bảy Thần thánh
1 tháng Năm	Lễ Lao động
21 tháng Năm	Ngày Hải quân
29 tháng Sáu	ngày lễ Thánh Peter và Thánh Paul
16 tháng Bảy	ngày lễ Virgen del Carmen
15 tháng Tám	lễ Đức Mẹ lên trời
18 tháng Chín	ngày Quốc khánh
19 tháng Chín	Ngày Quân đội
12 tháng Mười	ngày Columbus
31 tháng Mười	Ngày lễ Quốc gia đạo Tin lành
1 tháng Mười một	Ngày lễ Các Thánh
8 tháng Mười hai	ngày Đức Bà Vô nhiễm nguyên tội
25 tháng Mười hai	lễ Giáng sinh

Trong các ngày lễ, ngân hàng và các công ty tài chính thường đóng cửa. Lao động các ngành khác có thể vẫn làm việc, nhưng giờ làm việc thường ngắn hơn.

Một số liên hệ hữu ích

• Đại sứ quán Việt Nam tại Chi-lê

Địa chỉ: Avenida Eliodoro Yanez 2897, Providencia, Santiago de Chile

Điện thoại: +56 2 2244 3633 / +56 2244 3755

Fax: +56 2 2244 3799

Email: sqvnchile@mofa.gov.vn

- **Thương vụ Việt Nam tại Chi-lê (Kiêm nhiệm Ecuador)**

Họ và tên: Trần Đình Văn

Chức vụ: Tham tán Thương mại

Địa chỉ: Av. Eliodoro Yañez # 2887, Providencia, Santiago, Chile

Điện thoại: +56 2 232 1135 / +56 2 232 1394

Mobile: +56 9 8920 1942

Fax: +56 2 334 1159

Email: cl@moit.gov.vn; vantvar@gmail.com

- **Đại sứ quán Chi-lê tại Việt Nam:**

Địa chỉ: Tòa nhà C8-D8, số 14 Thụy Khuê, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84) 4 3935 1147 / 3935 1148

Fax: (84) 4 3843 0762

Email: embajadal@chile.org.vn